

CHỦ CƠ SỞ: HỘ BÀ VĂN THỊ KIM HIỀN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN QUY MÔ CÔNG NGHIỆP
TẠI XÃ DIÊN SANH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2025

CHỦ CƠ SỞ: HỘ BÀ VĂN THỊ KIM HIỀN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN QUY MÔ CÔNG NGHIỆP
TẠI XÃ DIÊN SANH, TỈNH QUẢNG TRỊ
CHỦ CƠ SỞ**



Văn Thị Kim Hiền

QUẢNG TRỊ, NĂM 2025

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	CTR	Chất thải rắn
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	GPMT	Giấy phép môi trường
6	MT	Môi trường
7	NXB	Nhà xuất bản
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	1
MỤC LỤC	2
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ.....	3
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	4
1.1. Tên chủ cơ sở:.....	4
1.2. Tên cơ sở:	4
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	5
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	7
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	8
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP_BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	12
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	12
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	17
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	19
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	19
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	21
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi Cơ sở đi vào vận hành:	22
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	22
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	25
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	25
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	27
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC_BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	29
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	29
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:	30
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	31
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	31
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở:.....	33
6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	33
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:.....	34
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	36

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý vị trí khu vực Cơ sở.....	4
Sơ đồ 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại.....	6
Bảng 1.2. Nhu cầu thức ăn cho trang trại	7
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Cơ sở	8
Bảng 1.4. Các hạng mục xây dựng của Cơ sở.....	9
Sơ đồ 3.1. Tuyến thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi lợn	13
Sơ đồ 3.2. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn	15
Bảng 3.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại	20
Bảng 3.2. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường	23
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	25
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	25
Bảng 4.3. Hàm lượng khí NH₃, H₂S trong khu vực chăn nuôi lợn hộ gia đình	27
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	30
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí	30

Chương I **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1.1. Tên chủ cơ sở: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền.

- Địa chỉ văn phòng: Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng (nay là xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị)

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền.

- Điện thoại: 01693.434.555

- Thông báo số 235/TB-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Hải Lăng về việc thực hiện Cơ sở xây dựng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp của bà Văn Thị Kim Hiền – xã Hải Phú.

- Giấy chứng nhận đầu tư: mã số dự án 2485221216 chứng nhận lần đầu ngày 06/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp cho Dự án.

1.2. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Cơ sở được xây dựng tại Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thuộc vùng khu vực Dốc Neo, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị). Tổng diện tích thửa đất 28.840 m², là đất rừng sản xuất; đã được UBND tỉnh phê duyệt cho chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất khác tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND huyện Hải Lăng.

Các phía tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đường giao thông khu vực rộng 7,6m đã được rải nhựa;
+ Phía Bắc giáp đất rừng của hộ ông Trần Văn Bình;
+ Phía Tây giáp rừng keo lá tràm của hộ gia đình và tiếp đến là rừng của hộ ông Văn Thiện;

+ Phía Nam giáp: đất trồng cao su và rừng keo lá tràm hộ ông Trần Mạnh Linh;
Vị trí khu vực được giới hạn bởi 12 điểm, có tọa độ theo Hệ tọa độ VN 2000, như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ địa lý vị trí khu vực Cơ sở

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106 ⁰ 15' múi chiều 3 ⁰		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106 ⁰ 15' múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1.842.177	602.926	7	1.842.071	603.124
2	1.842.208	603.135	8	1.842.074	602.978

Báo cáo GPMT của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106 ⁰ 15' múi chiếu 3 ⁰		Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 106 ⁰ 15' múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
3	1.842.212	603.152	9	1.842.053	602.968
4	1.842.150	603.176	10	1.842.055	602.961
5	1.842.114	603.181	11	1.842.065	602.942
6	1.842.112	603.131	12	1.842.067	602.924

Nguồn: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh Hải Lăng

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 13/4/2020.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư xây dựng: **12.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ đồng*), sử dụng vốn tự có và vốn vay ngân hàng. Thuộc Cơ sở nhóm C theo Tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi lợn.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc mục số 16 cột 4 Phụ lục II và thuộc nhóm II, Phụ lục IV ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở:

- Quy mô công suất trang trại: Tổng số đầu lợn trong thời gian nuôi: 3.650 con, trong đó:

+ Lợn giống: 150 con.

+ Lợn con bán giống: 1.500 con/lứa x 02 lứa/năm = 3.000 con/năm;

+ Lợn thịt: 2.000 con x 03 lứa/năm x 70kg/con = 420 tấn/năm.

+ Tổng đàn tương đương khoảng 416 đơn vị vật nuôi.

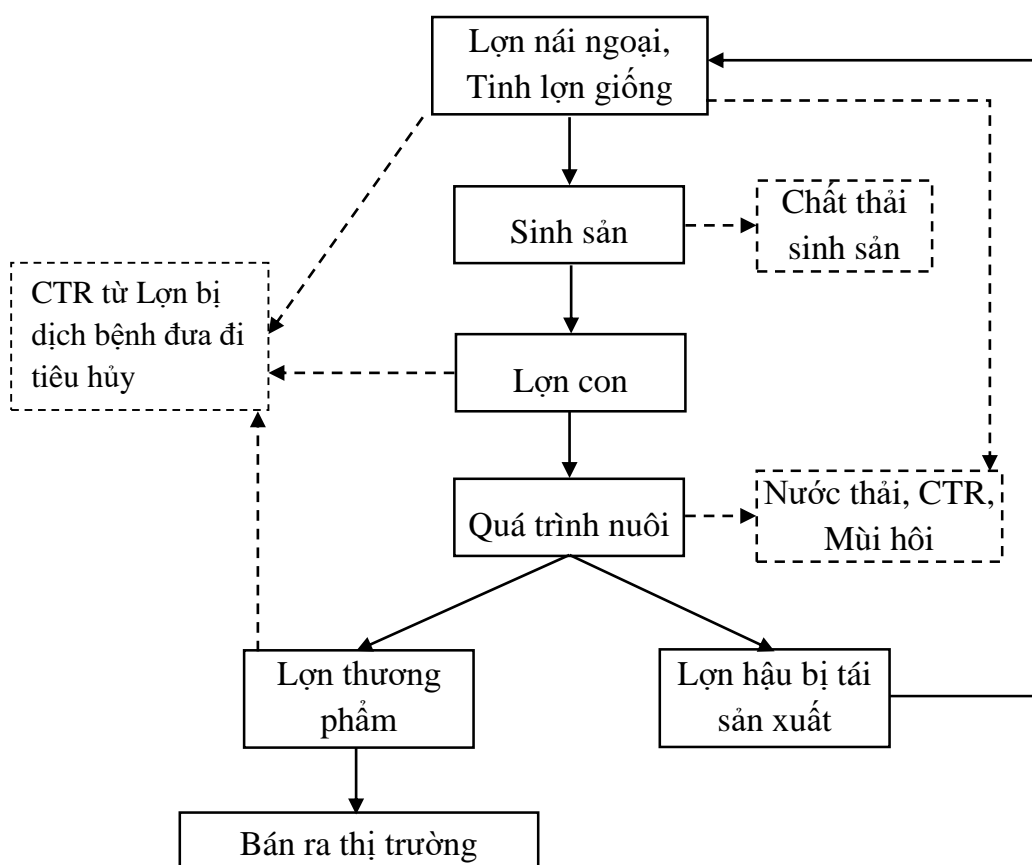
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Cơ sở thực hiện chăn nuôi quy mô công nghiệp với hệ thống chuồng kín có hệ thống dàn làm mát bằng hơi nước, quạt công nghiệp công suất lớn lưu thông không khí trong chuồng, máng ăn và nước uống cho heo tự động.

Cơ sở có các hình thức nuôi lợn nái và đực sinh sản tạo ra lợn con giống; một phần lợn con được đưa vào nuôi lợn thịt tạo một vòng khép kín; một phần bán lợn con giống cho các hộ chăn nuôi trong vùng.

Công nghệ sản xuất của Trang trại là chăn nuôi lợn nái và đực sinh sản tạo ra lợn con giống; một phần lợn con được đưa vào nuôi lợn thịt tạo một vòng khép kín; một phần bán lợn con giống cho các hộ chăn nuôi trong vùng.

Quy trình chăn nuôi của Cơ sở được mô tả trong sơ đồ tổng thể sau:



Sơ đồ 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại

- Lợn nái sau khi được phối giống khoảng gần 4 tháng sẽ sinh ra lợn con, lợn con được nuôi với lợn mẹ khoảng 20 - 30 ngày sẽ được tách mẹ đưa vào giai đoạn nuôi cai sữa, giai đoạn nuôi cai sữa được nuôi trong vòng 17 - 21 ngày, sau thời gian nuôi cai sữa, lợn con sẽ được đưa qua nhà nuôi lợn thương phẩm. Trong giai đoạn nuôi cai sữa và nuôi thương phẩm sẽ lựa chọn ra những con lợn có ngoại hình đẹp, tăng trưởng tốt, trội nhất trong đàn và có gia phả sinh sản tốt để đưa vào nuôi hậu bị tái sản xuất thay thế cho các con lợn già yếu. Đối với các con lợn còn lại sẽ được

nuôi gia công thương phẩm để bán thịt sau khoảng 3 tháng nuôi.

- Lợn nái của Trại được chăm sóc sinh ra lợn con mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa đẻ trung bình khoảng 10 lợn con. Trong quá trình nuôi, lợn được theo dõi phân thành các loại lợn hậu bị tái sản xuất và lợn giống thương phẩm.

- Lợn giống thương phẩm được nuôi khoảng 3 tháng, sau đó xuất bán cung cấp cho trong vùng và lân cận theo nhu cầu khách hàng.

- Lợn hậu bị tái sản xuất sẽ thay thế cho những lợn nái và lợn đực đã già, kém chất lượng. Trong đó lợn đực sẽ không được dùng cho việc giao phối trực tiếp để tạo giống mà chỉ được dùng để thí tình.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: Sản phẩm của Cơ sở bán ra thị trường là 3.000 heo con/năm và 2.000 con lợn thịt/năm (420 tấn lợn thịt/năm).

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- *Về con giống:* Sử dụng giống lợn của các công ty có uy tín và các trại có uy tín trong nước. Thực hiện tốt các quy định theo pháp lệnh vật nuôi: Giống có nguồn gốc rõ ràng; Thực hiện tốt quy định về nuôi cách ly đối với các đàn nuôi mới; Chấp hành tốt việc tiêm phòng, phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định.

- *Nhu cầu thức ăn chăn nuôi:* Trang trại sử dụng thức ăn công nghiệp dùng riêng cho từng giai đoạn phát triển của lợn (không sử dụng thức ăn pha trộn): Nguồn thức ăn được cung cấp bởi các đại lý có uy tín trong Tỉnh cũng như các Công ty ngoài Tỉnh như Green Feed, Cargill...

Bảng 1.2. Nhu cầu thức ăn cho trang trại

TT	Loại lợn	Số lượng (con)(*)	Định mức (kg/con/ngày)	Tổng (kg/ngày)
1	Lợn sinh sản	150	2,7	405
2	Lợn thịt	2.000	2,5	5.000
3	Lợn con	1.500	0,8	1.200
Tổng				6.605

(*): Số lượng lợn tối đa có mặt trong Trang trại: 150 con lợn nái sinh ra 10 con/lứa = 1.500 con lợn con; chuồng nuôi tối đa 2.000 con lợn thịt.

Như vậy, trung bình thức ăn cho lợn: 6.605kg/ngày.

- *Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin:* Chúng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc - xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam). Về liều lượng sử dụng theo chỉ định của nhà sản xuất.

- Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: dịch tả (Samonella), tụ huyết trùng, phó thương hàn. Ngoài ra, Trại có sử dụng một số loại vắc - xin khác như thuốc chủng ngừa F.M.D, Giả dại (Aujeszky), Dấu son, ...

- Các hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại và các loại thuốc thú y chủ yếu gồm: vôi, Lavecide, Benkocid, Chloramin...

- Thuốc tẩy ký sinh trùng: Ivermectin, Doramectin.

- Thuốc kháng sinh: Oxytetracyclin, Tetracyclin, Ampicyclin, ...

- Thuốc kháng sinh lở mồm long móng: Hanmolin LA, Han-Clamox.

Nguồn cung cấp: Đây là các loại hóa chất được cho phép sử dụng rộng rãi trên thị trường, Chủ Cơ sở có thể mua ở các đại lý thuốc thú y trên địa bàn tỉnh.

- *Nhu cầu sử dụng điện:* Điện năng được sử dụng cho các mục đích: chiếu sáng, sưởi ấm, bơm nước, làm lạnh, thắp sáng, sinh hoạt... Cơ sở sử dụng nguồn điện lưới đã đấu nối từ đường dây đã được đầu tư vào khu vực chạy dọc theo đường khu vực dẫn vào vị trí thực hiện Cơ sở.

- *Nhu cầu nước sinh hoạt:* Theo định mức cấp nước của Bộ xây dựng (TCXDVN 33:2006), một người sử dụng khoảng 80 lít nước mỗi ngày, do đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính toán như sau: 10 người \times 80 lít/người/ngày = 0,8m³/ngày.

- *Nước sản xuất:* bao gồm nước cấp cho vệ sinh chuồng trại, nước cho lợn uống... Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Cơ sở

TT	Loại lợn	Số lượng (con)	Định mức (*) (lít/con/ngày)	Tổng (lít/ngày)
1	Nước uống lợn con	1.500	1	1.500
2	Nước uống lợn thịt	2.000	10	20.000
3	Nước uống lợn nái và đực sinh sản	150	20	3.000
4	Nước rửa chuồng	(**) 2.300	10	23.000
Tổng				47.500

- (*) *Nguồn:* TS. Trần Duy Khanh, Chủ tịch liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật

- (**) *Quy đổi số lượng heo luôn có mặt trong chuồng: 2.000 con lợn thịt, 150 con lợn sinh sản, 1.500 con lợn con tương đương với 150 con lợn thịt; tổng số lượng heo có mặt trong chuồng tương đương với 2.300 con lợn thịt.*

Như vậy, lượng nước sử dụng cho hoạt động chăn nuôi lợn của Trang trại khoảng 47,5 m³/ngày.

- *Nguồn cung cấp nước:* Khai thác từ giếng khoan nước dưới đất trong trang trại. Trang trại đã được cấp giấy phép khai thác nước dưới đất theo Quyết định số: 84/GP-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

1.5.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở

Diện tích tổng thể của trang trại là 28.840 m²; chi tiết gồm các hạng mục sau:

Bảng 1.4. Các hạng mục xây dựng của Cơ sở

STT	Hạng mục	ĐVT	Diện tích	Tiến độ đầu tư
I	Hạng mục công trình		13.782	
	Hạng mục chính			
1	Khu Văn phòng	m ²	35	
2	Chuồng nái hậu bị	m ²	690	
3	Chuồng nái đẻ	m ²	236	
4	Chuồng lợn thịt	m ²	1.220	
5	Nhà kho thức ăn	m ²	86	
6	Nhà khử trùng	m ²	11	
7	Nhà cách ly - Nhà nuôi lợn tân đáo	m ²	68	
8	Chuồng lợn thịt 2	m ²	1.220	
	Hạng mục phụ trợ			
9	Bể nước	m ²	55	
10	Nhà ở phục vụ công nhân	m ²	141	
11	Sân, đường bê tông nội bộ	m ²	2.420	
12	Bồn hoa, cây cảnh	m ²	540	
13	Cổng + Hàng rào khuôn viên (tường gạch cao 2,5m)	m ²	860	
	Hạng mục bảo vệ môi trường			
14	Nhà ủ phân	m ²	860	
15	Khu XLNT	m ²	2.435	
16	Hầm biogas	m ²	990	
17	Hồ sinh học sau biogas	m ²	645	
18	Hệ thống xử lý nước thải (hoàn thiện)	m ²	800	
19	Quy hoạch khu vực hố tiêu hủy lợn chết, nhau thai	m ²	200	
20	Cây xanh (keo lai, cây ăn quả)	m ²	17.763	
	Tổng diện tích		28.840	

(Sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể Cơ sở kèm theo ở phần phụ lục)

1.5.2. Công tác quản lý, chế độ hoạt động

- Cơ sở bắt đầu triển khai từ năm 2018, đến năm 2020 hoàn thành công tác đầu tư và đi vào hoạt động chính thức.

- Hình thức quản lý cơ sở: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền trực tiếp quản lý.

Báo cáo GPMT của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

- Thời gian thực hiện: 50 năm, kể từ ngày được thuê đất.
- Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:
 - + Thời gian làm việc 365 ngày/năm.
 - + Số lượng CBCNV giai đoạn hoạt động trực tiếp là 10 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 13/4/2020. Tuy nhiên, qua rà soát bổ sung thì Trang trại phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt sau đây:

- Phù hợp với Quy hoạch BVMT Quốc gia: Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch với “*Định hướng hình thành tối thiểu 01 khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*” là điều kiện cần thiết để phục vụ cho xử lý chất thải của Cơ sở nói riêng và của các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ khác nói chung.

- Phù hợp với Quy hoạch tỉnh: Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: phương hướng phát triển nông, lâm thủy sản “*phát triển vùng chăn nuôi bò, lợn tại các xã vùng gò đồi phía Tây*”.

Theo phân vùng môi trường trong Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực Cơ sở nằm trong vùng khác (không thuộc vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt hoặc vùng hạn chế phát thải). Do đó với tính chất của Cơ sở là phát triển sản xuất chăn nuôi nên phù hợp với Quy hoạch của tỉnh.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 13/4/2020.

- Về thực trạng hiện nay, Cơ sở nằm xa khu dân cư, xung quanh nhiều rừng sản xuất, qua nhiều năm hoạt động chưa có khiếu nại, phản ánh về tình trạng gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh; chất lượng môi trường xung quanh cơ bản trong lành, chưa chịu nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của con người.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn được thu gom theo độ dốc của sân đổ về phía tường rào hướng Tây và phía Nam có địa hình thấp hơn, dọc tường rào có bố trí các cống bê tông D300mm thoát ra ngoài các khu vườn xung quanh. Nước mưa tầng mái của các dãy chuồng trại được thu gom theo các ống nhựa PVC sau đó đổ vào các cống thoát bê tông phía dưới mặt sân, không để bị lẫn vào trong hệ thống thu gom nước thải.

- Tổng chiều dài các tuyến thoát nước mưa trong cơ sở là 990m.

- Hình thức thoát nước mưa: tự chảy theo hướng nghiêng của địa hình ra khe suối phía Tây và phía Nam khu vực.

(Sơ đồ tuyến thoát nước mưa kèm theo ở phụ lục)

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

** Nước thải sinh hoạt:*

Đối với nước thải sinh hoạt của 10 CBCNV, với tải lượng là 0,64 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải đen (nước thải đi vệ sinh) được dẫn theo đường ống riêng biệt PVC xuống bể tự hoại 3 ngăn, thể tích bể 15m³.

+ Nước thải xám (Nước thải từ bồn rửa, bệ rửa, phòng tắm, ...) sau khi qua các tấm lọc rác được thu gom vào các tuyến ống ngang và ống đứng.

+ Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn và nước thải xám được dẫn về bể lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý.

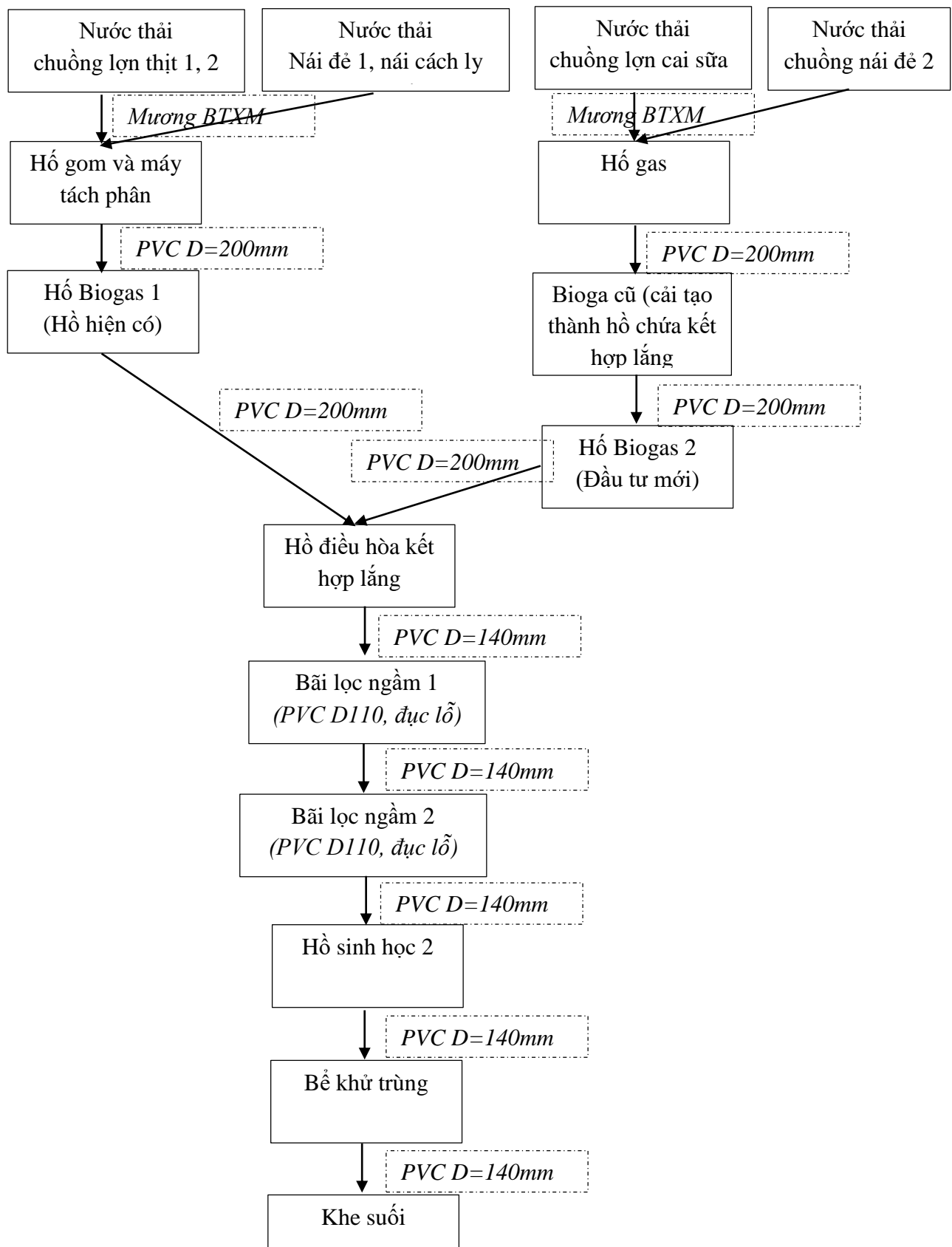
+ Độ dốc đường ống từ các thiết bị sử dụng nước ra hệ thống ống đứng (nhựa PVC) có độ dốc đảm bảo tự làm sạch.

** Nước thải chăn nuôi:*

- Lượng nước thải chăn nuôi phát sinh 38 m³/ngày đêm.

- Các công trình thu gom nước thải chăn nuôi đã xây dựng: Cơ sở đã xây dựng các rãnh thoát nước nằm dọc hai bên sườn mỗi nhà nuôi, kích thước (0,3 x 0,4) m trước khi chảy vào hố gom, xây gạch tô 2 mặt, có nắp đậy bằng bê tông, đoạn cuối trại chảy ra hố gom được đậy kín bằng bạt HDPE.

- Nước thải chăn nuôi lợn được thu gom như sau:



Sơ đồ 3.1. Tuyến thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi lợn

- Nhánh 1: Nước thải từ chuồng nuôi lợn thịt 1, chuồng nuôi lợn thịt 2, chuồng nái đẻ 1 và chuồng nái hậu bị – cách ly được thu gom vào mương BTXM bố trí xung quanh chuồng, nước thải tự chảy vào hố gom và máy tách phân sau đó được chảy qua hồ biogas 1 (hiện có) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục kết nối qua Hồ điều hòa kết hợp lắng bằng ống PVC D= 200mm;

- Nhánh 2: Nước thải từ Chuồng nái đẻ 2 và Chuồng lợn con cai sữa được thu gom vào mương BTXM bố trí xung quanh các dãy chuồng, nước thải tự chảy vào hố ga để gom và lắng cặn sơ bộ sau đó được chảy qua hồ biogas cũ (được cải tạo làm hồ chứa kết hợp lắng) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục kết nối qua Hồ biogas 2 (xây dựng mới) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục dẫn qua Hồ điều hòa kết hợp lắng bằng ống PVC D= 200mm (Hồ chung gom nước của Nhánh 1 và Nhánh 2);

- Nhánh chung: Nước thải từ Hồ điều hòa kết hợp lắng tiếp tục được dẫn qua Bãi lọc ngầm 1 (lọc ngược) bằng ống PVC D= 140mm sau đó qua hệ ống đục lỗ PVC D= 110mm đặt ở đáy bãi; Từ bãi lọc ngầm 1 qua Bãi lọc ngầm 2 bằng ống PVC D= 140mm sau đó qua hệ ống đục lỗ PVC D= 110mm đặt ở bề mặt bãi; Nước thải tiếp tục qua Hồ sinh học và Bê Khử trùng bằng ống PVC D= 140mm sau đó thoát ra môi trường là khe suối phía Tây Nam Cơ sở.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Vị trí xả thải sau khi qua hệ thống xử lý nằm ở góc phía Tây Nam khu đất, đây là điểm đầu của khe suối tự nhiên đổ vào sông Bến Đá theo hướng nghiêng địa hình.

Chủ Cơ sở sẽ bố trí biển cấm điểm xả thải, đảm bảo dễ quan sát, dễ thao tác lấy mẫu.

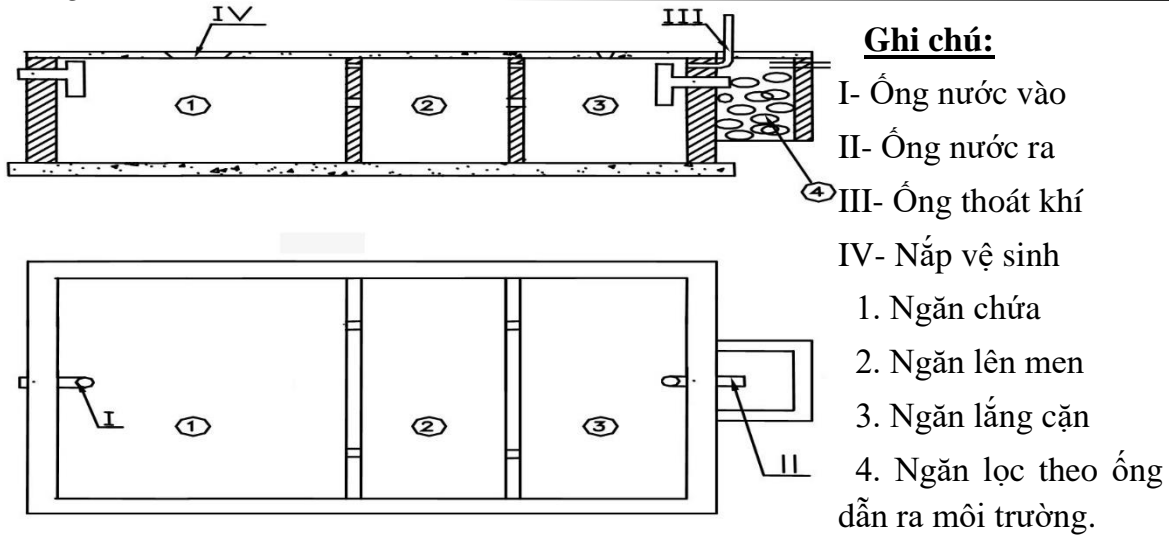
(Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên kèm theo ở phụ lục)

3.1.3. Xử lý nước thải:

*** Nước thải sinh hoạt**

Chủ Cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của 10 CBCNV, thể tích bể 15m³.

Sơ đồ bể tự hoại như sau:



Sơ đồ 3.2. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân huỷ kỵ khí xảy ra sẽ phân huỷ các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua bể lắng cặn, tại ngăn này không có quá trình xáo trộn nên các chất rắn hữu cơ sẽ lắng xuống phần không thể lắng được lọc trước khi thấm qua bể lọc cát.

* *Nước thải tắm rửa (nước thải xám)*: Nước thải từ hoạt động tắm, rửa được dẫn qua song chắn rác rồi dẫn theo ống nhựa UPVC tiếp tục xử lý qua bể lắng 02 ngăn trước khi thoát ra môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

Kích thước các bể như sau:

- Ngăn lắng 1: $DxRxH = (1,2 \times 1 \times 1,2)$ m; Ngăn lắng 2: $DxRxH = (1,2 \times 1 \times 1,2)$ m.

* *Nước thải sản xuất*:

- Quy trình xử lý nước thải: *Như Sơ đồ 3.1.*

Thuyết minh quy trình xử lý:

- Nước thải từ khu vực chuồng trại sẽ được thu gom bằng các mương thoát nước thải kín bao quanh chuồng trại, đưa nước thải về hố gom.

- Hố gom và máy tách phân: có vai trò thu gom toàn bộ phân và nước thải, hố có kích thước (4,2mx2,2mx3m), xây gạch tô 2 mặt, có nắp đậy bằng BTCT. Nước thải và phân từ hố gom, tại đây có bố trí máy tách phân, máy tách phân sẽ tách phần phân ra và đưa đến bãi ủ phân, phần nước thải sẽ được đưa về 02 hầm biogas (01 hầm biogas hiện có và xây dựng thêm 01 hầm biogas mới).

- Hầm biogas: Hầm biogas hoạt động theo chu trình gồm 2 giai đoạn tích khí và xả khí. Quá trình phân huỷ chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí làm giảm COD,

BOD trong nước thải. Hàm được xây dựng bằng đất tự nhiên đầm nén chặt, đắp taluy, chống thấm bằng bạt HDPE dày 2mm, phần phía trên cũng được phủ bằng lớp HDPE dày 2mm.

+ Định kỳ 01 năm một lần hệ thống biogas được nạo vét bằng bơm hút bùn và đưa đi xử lý.

Sau khi xử lý bằng các hầm biogas, nước thải tiếp tục được xử lý qua 04 hồ (01 hồ điều hòa kết hợp lắng, 02 bãi lọc ngầm, 01 hồ sinh học và 01 bể khử trùng).

- Hồ điều hòa kết hợp lắng: Hồ có tác dụng gom nước chung từ 02 hầm biogas, nhằm điều hòa lưu lượng và tiếp tục quá trình lắng để loại bỏ chất ô nhiễm, tạo dòng chảy ổn định trước khi đi vào hệ bãi lọc ngầm.

- Bãi lọc ngầm: Nước thải từ hồ sinh học sẽ được chảy qua bãi lọc ngầm gồm 01 bãi lọc ngầm nghịch và thuận lắp nối tiếp nhau.

+ Tại bãi lọc ngầm số 1 (bãi lọc nghịch), nước thải được dẫn theo hệ ống PVC D=110mm, đục lỗ đặt dưới đáy bãi và thấm ngược từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc dày 0,8m, thứ tự các lớp từ dưới lên gồm: Bạt HDPE -> Sạn sỏi cỡ lớn 4x6 -> Ống PVC -> Sạn sỏi cỡ vừa 2x4 -> Sạn sỏi cỡ nhỏ 1x2 -> Lớp vải địa kỹ thuật -> Lớp đất mặt trồng cây (dày 10cm) -> Trồng cỏ Ventivo và hoa chuối.

+ Tại bãi lọc ngầm số 2 (lọc thuận), nước thải được dẫn qua hệ ống PVC D=140mm và lắp thêm hệ ống (xương cá) PVC D=110mm, nước thải được thấm từ trên xuống qua các lớp vật liệu lọc dày 0,8m như sau: Hệ ống PVC đục lỗ -> Lớp đất mặt trồng cây (dày 15cm) -> Sạn sỏi cỡ lớn 4x6 -> Sạn sỏi cỡ vừa 2x4 -> Sạn sỏi cỡ nhỏ 1x2 -> Bạt HDPE.

Bãi lọc ngầm thực chất là Bãi lọc ngập nước (Wetlands), là hệ sinh thái ngậm nước với mực nước xấp xỉ bề mặt đất và được cấy trồng các loại thực vật trong điều kiện đất ẩm. Cơ sở đã tiến hành trồng cây hoa chuối, cỏ ventiver. Thực vật sử dụng năng lượng mặt trời để hấp thụ cacbon từ khí quyển và chuyển hoá thành các chất hữu cơ là nguồn năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống và phát triển của các vi khuẩn dị dưỡng (động vật, vi khuẩn và nấm). Bãi lọc ngập nước có khả năng phân huỷ, chuyển hoá các chất hữu cơ và các chất khác. Với khả năng đó, bãi lọc ngập nước nhân tạo được sử dụng để làm sạch nước trước khi đưa qua hồ sinh học.

Sau khi qua hệ bãi lọc ngầm nghịch và lọc thuận nước thải sẽ được xử lý đáng kể các chất ô nhiễm như các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng và dinh dưỡng (N, P).

- Hồ sinh học: Hồ sinh học tiếp nhận nước thải từ hệ thống bãi lọc ngầm để tiếp tục hoàn thiện quá trình xử lý, tại đây tiếp tục bố trí các bè mảng trồng cây thủy sinh

như thủy trúc, hóa chuỗi và cở ventivo kết hợp nuôi cá (cá trê, cá rô phi...) hệ động thực vật thủy sinh này sẽ có chức năng xử lý làm giảm nồng độ các chất thải nói trên.

- Bể khử trùng: Được xây dựng bằng BTCT, trong lòng bể bố trí các vách ngăn hình Zic – Zac nhằm tạo dòng chảy có sự xáo trộn hóa chất khử trùng và nước thải, phía trên mặt bể bố trí 01 bồn Composite để châm hóa chất khử trùng bán tự động.

- Nước sau khi qua bể khử trùng đảm bảo Quy chuẩn quy định QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi trước khi xả ra môi trường là khe nước phía Tây Nam Cơ sở. Về lâu dài sẽ lập hồ sơ công bố hợp quy theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng để sử dụng cho tưới cây xanh, cây ăn quả trong Trang trại.

- Kích thước các hạng mục:

+ Hầm biogas (hiện có): KT: D x Rx S = (40 x 20 x 5)m; Bạt HDPE: đáy dày 0,5mm và mặt dày 1mm.

+ Hồ biogas cũ (tận dụng làm bể chứa kết hợp lắng): KT: D x Rx S = (44 x 22,5 x 3,5)m; Bạt HDPE: đáy dày 0,5mm và mặt dày 1mm.

+ Hầm biogas (mới): KT: D x Rx S = (38 x 18 x 5) m; Bạt HDPE: đáy dày 0,75mm và mặt dày 1mm.

+ Hồ điều hòa kết hợp lắng: KT: D x Rx S = (31 x 12 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bãi lọc ngầm 1 (lọc nghịch): KT: D x Rx S = (22 x 20 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bãi lọc ngầm 2 (lọc thuận): KT: D x Rx S = (20 x 20 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Hồ sinh học: KT: D x Rx S = (35 x 6 x 3)m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bể khử trùng: KT: D x Rx S = (5 x 1,5 x 1,5)m; quy cách bể BTCT, trong lòng bố trí dòng chảy Zic-Zac, bồn Composite 0,5m³, hóa chất khử trùng Chlorin 70% dạng bột, tuần pha 02 lần.

+ Thiết bị: Máy tách phân 01 cái;

Do chênh lệch cao trình địa hình tốt nên nước thải được di chuyển qua các công đoạn trong hệ thống theo hình thức tự chảy.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến CBCNV và môi trường xung quanh như sau:

- Chuồng trại đã được xây dựng với thiết kế thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Hiện tại, trang trại trang bị 24 quạt hút kích thước mỗi cái: 1.380×1.380×400mm, công suất quạt hút 1,4mx1,1KWA, sử dụng nguồn điện 3 pha, 380V cho các chuồng nuôi. Với thiết kế chuồng kín, khi quạt gió hoạt động sẽ hút không khí bên trong chuồng ra ngoài tạo ra áp suất âm trong chuồng. Áp suất âm này sẽ hút không khí đi vào trong chuồng thông qua giàn mát. Lượng không khí hút qua quạt gió càng lớn áp suất âm càng tăng và sẽ hút không khí đi vào chuồng qua giàn mát càng nhiều. Do đó ta có thể điều khiển yếu tố nhiệt độ, độ ẩm trong chuồng nuôi bằng cách điều khiển tốc độ gió hay chính xác hơn là điều khiển công suất làm việc của quạt gió kết hợp với hoạt động của giàn mát ở đầu chuồng và hệ thống làm mát bên trong chuồng (phun sương). Hoạt động của quạt đẩy giúp hút khí thải, mùi bên trong chuồng đẩy ra bên ngoài.

Sau hệ thống quạt hút của các dãy chuồng, Chủ Cơ sở đã lắp đặt thêm khung thép, giăng lưới xây dựng và hệ thống Bét phun sương nhằm hấp thụ, giảm thiểu một phần bụi, mùi hôi, tránh phát tán đi xa (*hình ảnh ở phụ lục*).

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Cơ sở đã tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực (keo lá tràm và cây ăn quả), diện tích khoảng 50% tổng diện tích trang trại.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1lần/ngày), tiến phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần), cho chế phẩm EM cho thức ăn, nước uống của vật nuôi. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần.

- Hàm biogas được thiết kế kín hoàn toàn, phía trên được thiết kế lớp phủ bằng bạt HDPE.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV: 02 bộ/năm.

- Đối với khí gas từ hàm biogas: Biogas là một hỗn hợp khí được sinh ra từ quá trình lên men trong môi trường hiếu khí của chất thải chăn nuôi nhờ hoạt động của các vi khuẩn. Thành phần khí biogas bao gồm: Khí metan (CH₄): 60 - 75%; Khí cacbonic (CO₂): 25 - 30%; Nitơ (N₂): khoảng 5 - 10%; Hydro (H₂): khoảng 1 % và các khí khác như CO, NH₃... Theo đề tài KHCN-T2016-04-19 do Học viện Nông

ngành Việt Nam thực hiện và đăng tải trên Chuyên mục Khoa học Công nghệ, Tạp chí NN&PTNT - Kỳ 2 - Tháng 7/2019. Bình quân lượng khí CH₄ tổng từ cả hoạt động quản lý phân (ép phân) và thoát nước thải sau biogas là 18,48 ± 1,99 kg CH₄/con/năm, tương ứng 0,462 tấn CO₂/con/năm. Như vậy, với quy mô 3.650 con/năm, sẽ phát sinh 67.452 – 74.715,5 kg CH₄/con/năm, tương ứng 1.686,3 tấn CO₂/năm.

Trang trại lắp đặt van xả khí có đầu xả được lắp đặt bằng inoc tại hầm biogas và tiến hành đốt khí xả khí để giảm thiểu mùi hôi.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt: lượng phát sinh khoảng 5kg/ngày, tiến hành nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định đồng thời tiến hành việc phân loại rác tại nguồn. Việc phân loại rác tại nguồn sẽ được tiến hành như sau:

+ Đối với CTR là các loại vỏ lon, chai nhựa... sẽ được thu gom để riêng và bán phế liệu;

+ Đối với CTR hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa... sẽ được phân loại và đổ vào hố ủ phân hữu cơ, sau khi đầy sẽ được chôn lấp.

+ Đối với CTR vô cơ như bao bì đựng thức ăn... sẽ được thu gom riêng biệt, đặt vào thùng đựng rác và Tự chở lên bãi rác tập trung của Huyện để đổ thải tần suất 1 tuần/2lần.

- Thu gom xử lý CTR sản xuất: bao bì thức ăn khoảng 53 kg/ngày được thu gom bán phế liệu;

- CTR là phân thải:

+ Phân thải từ các chuồng nuôi khoảng 9.725 kg/ngày được thu gom cùng với nước thải, sau đó được dẫn về hố thu gom, tại đây sử dụng máy ép phân để tách phân, sau đó phân sẽ được đóng bao và đưa đi bón cây.

+ Bùn nạo vét từ hầm biogas sẽ được nạo vét với tần suất khoảng 1 năm/lần. Lượng bùn này khi được hút lên sẽ được đưa đến khu vực máy tách phân, phần bùn thải được ép khô sau đó đóng bao.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Dự báo về khối lượng CTNH phát sinh trong quá trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động của trang trại ước tính (dựa trên quy mô các trang trại tương tự) khoảng 5-7kg/tháng và tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhớt thải, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, lợn chết do dịch bệnh,...

Bảng 3.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại

TT	CTNH	Mã CTNH	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	1 kg/tháng
2	Hộp mực in	08 03 18	1kg/tháng
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm, dụng cụ mổ,...lợn dịch bệnh) từ thú y thải	13 02 01	03-5kg;
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y...).	14 01 06	10-12 kg/lứa nuôi
5	Lợn dịch chết		Tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh

- Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ với đơn vị có đủ năng lực để thu gom và xử lý định kỳ 01 lần/năm. Chứng từ về quản lý CTNH sẽ tích hợp vào báo cáo công tác BVMT hàng năm nộp về Sở NN&MT theo đúng quy định. Hiện nay, Chủ Cơ sở đã ký kết hợp đồng thu gom, xử lý CTNH với Công ty CP Cơ – Điện – Môi trường Lilama (Số 01/2025/HĐKT/DSO/HKDVTKH-LLM ngày 7/7/2025).

Đối với CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của *Văn bản số 561/TY-KH ngày 16/4/2008 của Cục Thú y hướng dẫn về phương pháp tiêu độc khử trùng, tiêu hủy xác lợn và xử lý sự cố hổ chôn trong vùng có dịch* và thực hiện theo *QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT: Về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật*, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định.

Sau đây là quy trình chôn lấp tiêu hủy xác gia súc, động vật bị bệnh và nhau thai lợn sau kỳ sinh để cho Cơ sở:

- **Đào hố chôn:** Chọn nơi khô ráo, không bị xói mòn, ngập lụt khi mưa lũ, xa khu dân cư, xa khu chăn thả gia súc, gia cầm, xa các nguồn nước mặt như sông, suối, ao, hồ, kênh, mương..., xa các trục đường giao thông để đào hố chôn. Tùy theo khối lượng cần chôn mà đào kích thước cho phù hợp sao cho thể tích hố chôn gấp 3 - 4 lần khối lượng xác cần chôn. Miệng hố mở rộng so với đáy để tạo thuận lợi cho xử lý chống thấm.

- **Xử lý chống thấm lót đáy:** Trộn đều đất bột với 3-4% Bentonite BT1 rồi đổ xuống đáy hố một lớp dày khoảng 10cm và san đều cho phẳng. Bentonite BT1 là chất gia cố chống thấm có đặc tính khi gặp nước sẽ trương nở bít kín mọi kẽ hở tạo nên lớp chống thấm đáy rất tốt. Dùng bạt liền mảnh để lót đáy và thành hố. Diện tích tấm lót phải bao gói toàn bộ số gia súc bị chôn cộng thêm 5-10% kích thước dự phòng. Rải lên trên lớp vải bạt một lớp đất bột dày khoảng 10cm trước lúc thả xác động vật.

- **Xử lý xác động vật trong hố chôn:** Thả các bao chứa xác động vật xuống hố gọn gàng để tận dụng được diện tích và thể tích. Cứ mỗi lớp gia súc được thả xuống lại phun một lượt chế phẩm sinh học (EM, Biotic, Biomix, Entroy, Bima...) để khử tạp khuẩn sinh mùi và kích thích quá trình phân hủy sinh học. Sau đó phủ lên trên gia súc, gia cầm một lớp đất dày từ 0,8-1m được đầm nén cho chặt.

- **Đặt ống thoát khí và ống thu khí:** Ống thu khí bằng nhựa PVC Ø4-5cm nối với ống thoát khí có đường kính 2cm. Ống thu khí có chiều dài bằng chiều dài của hố chôn, được đục nhiều lỗ nhỏ thu khí do xác động vật phân hủy để dẫn vào ống thoát khí dẫn ra ngoài. Rải một lớp sỏi 1×2, đặt ống thu khí xuyên qua vải bạt nối với ống thoát khí, phủ lên vải bạt một lớp đất bảo vệ.

- Bảo vệ hố chôn:

+ Trộn đều đất bột với 3-4% Bentonite BT1 rồi phủ lên trên lớp đất bảo vệ (diện tích bề mặt lớp chống thấm lớn hơn diện tích hố chôn).

+ Cắt ống thoát khí cao hơn mặt đất 1-2cm rồi rải sỏi, đá lên trên.

+ Dùng vôi bột hoặc các chất diệt khuẩn như Clorua vôi, Cloramin B phủ lên trên bề mặt hố chôn.

* Chủ Cơ sở lựa chọn vị trí hố chôn ở góc phía Tây Bắc của khu đất.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con lợn có chung

một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi Cơ sở đi vào vận hành:

- Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv, số lượng 02 bộ/năm; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

- Sự cố mưa bão: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; Có phương án phòng chống và ứng phó khi mưa bão xảy ra.

- Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,...quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn,...

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Chủ Cơ sở đã thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố. Hiện tại đã có 01 hồ chứa kết hợp lắng (tận dùng từ hồ biogas cũ), 02 hầm biogas, 01 hồ điều hòa kết hợp lắng, 02 bãi lọc ngầm, 01 hồ sinh học. Do đó khi có sự cố ở một trong các hạng mục vẫn đảm bảo được công tác lưu trữ, xử lý và có đủ thời gian để Chủ cơ sở khắc phục sửa chữa các hư hỏng.

+ Khi xảy ra sự cố, trang trại cần lưu giữ nước tại các hồ chứa, sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố và bơm nước hoàn về bể thu gom để đưa vào xử lý.

+ Tiến hành gia cố bờ đê bằng các đê bao để tránh việc tràn nước khi có mưa lớn.

- Tiến hành gia cố mái taluy bằng các cọc tre để tránh hiện tượng sạt lở.

- Ngoài ra, để chống sạt lở cục bộ, Chủ Cơ sở sẽ trồng cỏ ventivơ, cỏ voi dọc các mái taluy trong khuôn viên.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Các nội dung thay đổi của Cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường như sau:

Bảng 3.2. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường

STT	Nội dung điều chỉnh	Theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Nội dung sau điều chỉnh	Các tác động môi trường từ việc thay đổi
1	Tên Cơ sở	Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng	Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị	Do thay đổi đơn vị hành chính khi sáp nhập cấp xã, cấp tỉnh
2	Địa chỉ Chủ Cơ sở	Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, Hải Lăng	Xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	
3	Địa chỉ Cơ sở	Xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị	
4	Xử lý nước thải chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 02 hầm biogas kích thước: + Biogas 1: (40 x 20 x 5)m; + Biogas 2: (44 x 22,5 x 3,5)m. - Xây dựng 02 hồ sinh học với kích thước: + Hồ sinh học 1 có thể tích 645m². + Hồ sinh học 2 có thể tích 800m². 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ biogas 1 (hiện có): (40 x 20 x 5)m; - Xây mới 01 hồ biogas: (38 x 18 x 5)m. - Sử dụng Biogas 2: (44 x 22,5 x 3,5)m làm bể chứa kết hợp lắng. - Xây dựng mới: + Hồ điều hòa kết hợp lắng: (31 x 12 x 1,5)m; + Bãi lọc ngầm 1 (lọc nghịch): (22 x 20 x 1,5)m; + Bãi lọc ngầm 2 (lọc thuận): (20 x 20 x 1,5)m; + Hồ sinh học: (35 x 6 x 3)m; + Bể khử trùng: (5 x 1,5 x 1,5)m; 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi công nghệ xử lý bằng việc cải tạo, nâng cấp các hạng mục hiện có: Bổ sung 01 hầm biogas mới, cải tạo 01 hồ chứa kết hợp lắng, bổ sung 01 bể điều hòa kết hợp lắng, xây dựng mới 01 hồ sinh học; - Bổ sung công đoạn xử lý mới: + Đầu tư 01 máy tách phân; + Đầu tư 02 bãi lọc ngầm; + Đầu tư thêm 01 bể khử trùng. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công đoạn nhằm tăng hiệu quả xử lý cho hệ thống xử lý nước thải, nhằm đảm bảo nước thải đầu ra của Cơ sở đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, Kq=0,9; Kf=1,0).
5	Xử lý khí Biogas	Sử dụng máy phát điện chạy bằng khí biogas để phục vụ cho hoạt động của trang trại như thắp	Khí Biogas sẽ được xả bằng van xả và giảm thiểu bằng phương pháp đốt.	Do lượng khí Biogas của Cơ sở khi đi vào hoạt động không đủ cho việc sử dụng máy phát điện, do đó chủ Cơ sở tiến hành xử lý khí biogas

Báo cáo GPMT của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

		sáng, quạt thông gió...		bằng phương pháp đốt. Phương pháp đốt khí Biogas đang được nhiều trang trại sử dụng và tác động đến môi trường không nhiều, do đó phương pháp đốt khí Biogas là hợp lý và tiết kiệm được chi phí cho nhà đầu tư.
6	Xử lý mùi hôi		Bố trí thêm lưới chắn sau quạt gió, bố trí Bet phun sương nhằm giảm thiểu mùi hôi	Tác động tích cực
7	Xử lý phân thải	Hố ủ phân KT: 5 x 5 x 1 m.	01 máy tách phân, nhà chứa phân	Tác động tích cực

Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

4.1.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của 10 CBCNV
- Nguồn số 02: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 01;
- Nguồn số 03: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 02;
- Nguồn số 04: nước thải chăn nuôi từ chuồng nái đẻ 01;
- Nguồn số 05: nước thải chăn nuôi từ chuồng nái đẻ 02;
- Nguồn số 06: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn con.
- Nguồn số 07: nước thải chăn nuôi từ chuồng cách ly.

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa:

- Nguồn số 01: 0,64 m³/ngày đêm, tương đương 0,026 m³/giờ.
- Nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và 07: 38 m³/ngày đêm, tương đương 1,58 m³/giờ.

4.1.3. Dòng nước thải: 02 dòng:

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh (nước thải đen) được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó chảy ra cùng với nước thải xám đổ vào bể lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý được dẫn qua ống xả PVC và tự thoát ra môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

- Dòng thải số 02 (tương ứng với các nguồn 02, 03, 04, 05, 06 và 07): Nước thải ở các chuồng nuôi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là khe nước tự nhiên phía Tây Nam Cơ sở.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9		

Báo cáo GPMT của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60	Không áp dụng	Không áp dụng
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

* Ghi chú:

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người;

- Dòng thải số 02: Nước thải chăn nuôi sau xử lý của Trang trại đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, Kq=0,9; Kf=1,3). Cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,9-9	Không thuộc đối tượng	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	175,5		
3	COD	mg/l	351		
4	BOD ₅	mg/l	117		
5	Tổng N	mg/l	175,5		
6	Coliform	MPN/100ml	5000		

Ghi chú:

+ *Cột B*: các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ $Kq = 0,9$: nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối không có số liệu về lưu lượng;

+ $Kf = 1,3$: lưu lượng thải < 50 m³/ngày đêm.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả thải: xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.

+ Dòng thải số 01: Vị trí xả nước thải sau bể lắng 02 ngăn: Tọa độ: X=1.842.197m; Y = 603.138m.

+ Dòng thải số 02: Vị trí xả nước thải sau khi qua bể khử trùng đổ ra: Tọa độ: X=1.842.059m; Y = 602.971m

- Phương thức xả thải: Dòng thải số 01, 02 xả theo hình thức tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Dòng thải số 01: môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

+ Dòng thải số 02: khe suối tự nhiên phía Tây Nam Cơ sở.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

4.2.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Mùi hôi phát sinh từ quạt thông gió, hồ tách phân, hồ lắng.

- Nguồn số 02: Khí thải từ phát sinh từ hầm biogas.

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa: không xác định lưu lượng.

4.2.3. Dòng khí thải: Nguồn phân tán.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải:

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Do lượng mùi phát sinh từ chuồng trại là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên tiêu chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bảng 4.3. Hàm lượng khí NH₃, H₂S trong khu vực chăn nuôi lợn hộ gia đình

TT	Khí thải	Đơn vị	QCVN 06:2009/BTNMT
1	NH ₃	mg/m ³	0,2
2	H ₂ S	mg/m ³	0,042

4.2.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận:

- Vị trí xả thải: Khu vực quạt thông gió tại các chuồng nuôi, hố tách phân, hố lắng, van xả khí gas trong trang trại tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.
- Phương thức: tự thoát ra môi trường.
- Nguồn tiếp nhận thải: môi trường không khí khu vực Cơ sở.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Cơ sở đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường:

- Đã có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 796/QĐ-UBND ngày 13/4/2020;

- Đầu tư và duy trì vận hành các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải, mùi, chất thải rắn);

- Hàng năm đều tuân thủ giám sát chất lượng môi trường, lập báo cáo công tác BVMT;

- Tuân thủ kê khai nộp phí BVMT đối với nước thải;

- Thực hiện lập thủ tục khai thác nước dưới đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, dịch bệnh, ...

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

- Tổng hợp thông tin của từng năm về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt; nước thải công nghiệp xả ra ngoài môi trường:

+ Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa 02 năm gần nhất: 0,64 m³/ngày đêm.

+ Lượng nước thải chăn nuôi phát sinh tối đa 02 năm gần nhất: 38 m³/ngày đêm.

Từ tháng 6/2024, do dịch bệnh phức tạp nên Cơ sở chỉ nuôi lợn nái và lợn con, nước thải được lưu chứa trong 02 hồ biogas cũ (không thải nước thải ra môi trường), đồng thời tập trung hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải.

Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở có lưu lượng nước thải <200 m³/ngày đêm nên không bắt buộc phải thực hiện quan trắc.

- Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: không.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải: Từ năm 2024 đến nay, Chủ Cơ sở thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống XLNT theo quy định của pháp luật để lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải: Hiện tại, Cơ sở đã hoàn thành hệ thống xử lý nước thải, chủ Cơ sở lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu đầu ra để đánh giá hiệu quả hệ thống XLNT như sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	NTGH1	NTGH2	QCVN 62- MT:2016/BTNMT (Cột B, Kq=0,9; Kf=1,3)
1	pH	-	7,5	7,3	5,9-9
2	TSS	mg/l	318	18	175,5
3	COD	mg/l	1050	56	351
4	BOD ₅	mg/l	234	23	117
5	Tổng N	mg/l	160	4,5	175,5
6	Coliform	MPN/100ml	198630	282	5000

Ghi chú: NTGH1, NTGH2 là nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

Nhận xét: Qua kết quả bảng trên cho thấy, tất cả các chỉ tiêu trong nước thải sau xử lý đều đảm bảo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, Kq=0,9; Kf=1,3)

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở không bắt buộc phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

Chủ Cơ sở thực hiện quan trắc bổ sung 01 mẫu môi trường không khí xung quanh như sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05: 2013/BTNMT
			K	
1	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,123	0,3
2	NH ₃	mg/m ³	<0,015	0,2⁽²⁾
3	H ₂ S	mg/m ³	<0,012	0,042⁽²⁾
4	SO ₂	mg/m ³	0,061	0,35
5	NO ₂	mg/m ³	0,046	0,2
6	CO	mg/m ³	3,04	30
7	Tiếng ồn	dbA	61,1	70(1)

Ghi chú: - K: Tại đường đến chuồng nuôi của Trang trại.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1h);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BNTMT: Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn, độ rung;

+ ⁽²⁾ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Nhận xét: Qua bảng 5.2 cho thấy các chỉ tiêu giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn về chất lượng môi trường không khí xung quanh, điều đó chứng tỏ trang trại trong thời gian hoạt động thực hiện đầy đủ các biện pháp phun chế phẩm, khử mùi, giảm nồng độ ô nhiễm đến môi trường xung quanh.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải: Năm 2025, để tăng hiệu quả xử lý mùi, Chủ Cơ sở đã đầu tư lắp đặt thêm hệ thống lưới và giàn phun sương giảm thiểu mùi phát tán sau hệ thống quạt hút các chuồng trại.

- Về hiệu quả: nhìn chung, khu vực trang trại nằm xa khu dân cư, Chủ Cơ sở tuân thủ tốt các biện pháp giảm thiểu mùi hôi theo báo cáo ĐTM đã đề xuất, đồng thời đã bổ sung lắp đặt nâng cấp hệ thống giảm thiểu mùi nêu trên, chắc chắn hiệu quả xử lý mùi được nâng lên đáng kể. Thực tế cho thấy từ trước đến nay chưa có tình trạng khiếu kiện của dân cư xung quanh đối với vấn đề ô nhiễm do trang trại gây ra.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Đối với lượng CTR sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý, quản lý như đã nêu tại mục 3.3 và 3.4 ở trên.

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Theo Thông báo số 2183/TB-STNMT ngày 14/6/2024 của Sở TN&MT đối với kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình BVMT theo báo cáo ĐTM của Cơ sở như sau:

1) Tu sửa nâng cấp hầm biogas số 1 bị hỏng (rách, thủng), đảm bảo kín và sinh khí gas. Bổ sung đầy đủ số lượng hồ sinh học theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt (bổ sung thêm 01 hồ), bổ sung lót đáy bằng bạt kín đối với các hồ sinh học, trồng thêm cây thủy sinh ở các hồ sinh học nhằm tăng cường khả năng xử lý, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt Quy chuẩn quy định; bố trí khu vực nhà ủ và chứa phân khí đã gom vào các bao; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải ký kết hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý.

2) Lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường và tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022); báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hải Lăng.

Theo Biên bản kiểm tra vào ngày 09/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã kết luận như sau:

Báo cáo GPMT của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

“Chủ đầu tư đang tổ chức thi công hệ thống XLNT gồm: Cải tạo hồ biogas cũ, đầu tư 01 hồ biogas mới-> Hồ Lắng 1 -> 02 bãi lọc ngầm -> 01 hồ sinh học (kết hợp lắng)-> Bể khử trùng. Khối lượng công việc thi công khoảng 50%, dự kiến hoàn thành công trình trong tháng 9/2024.

Đã bố trí nhà ủ phân và dự kiến đầu tư 02 máy tách phân.

Đã đầu tư các thùng chứa CTR sinh hoạt, chất thải thú y, bố trí kho và Dự kiến ký hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý.

- Bổ sung nộp báo cáo công tác BVMT năm 2023;

- Bổ sung Hợp đồng xử lý CTNH, chất thải thú y”

Hiện nay Chủ cơ sở đã nghiêm túc đầu tư khắc phục các tồn tại hạn chế theo yêu cầu của Sở:

Hoàn thành 100% khối lượng công việc xây dựng hệ thống XLNT.

Đầu tư 01 máy tách phân, 01 nhà chứa phân;

Đầu tư thùng đựng CTRSH, thùng đựng và kho chứa CTNH; Hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý.

Nộp báo cáo công tác BVMT năm 2023, 2024.

Lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT trình Sở thẩm định ngày 29/11/2024, tuy nhiên do hồ sơ chưa đảm bảo nên Sở đã có Thông báo số 5438/TB-STNMT ngày 05/12/2024 về trả hồ sơ GPMT và hướng dẫn Chủ Cơ sở bổ sung một số nội dung để hoàn thiện.

Đến nay, Chủ Cơ sở đã hoàn thiện, bổ sung về hồ sơ, tài liệu; đầu tư công trình xử lý chất thải, biện pháp BVMT đầy đủ. Lập Hồ sơ đề nghị Sở xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh Quảng Trị cấp phép.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của trang trại, Chủ Cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

Trường hợp cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Đối với Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Chủ Cơ sở gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm kéo dài 03 ngày liên tục.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu cụ thể như sau:

+ Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 03 mẫu đầu ra (cống xả ra khe suối);

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Trung tâm Quan trắc NN&MT hoặc Đơn vị khác có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

- Quan trắc nước thải: Cơ sở có lưu lượng thải tối đa 38 m³/ngày đêm (< 200 m³/ngày đêm) nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: không
- Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ Cơ sở.

* *Giám sát CTR, CTNH:*

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại

- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí quan trắc, lập báo cáo công tác BVMT hàng năm của Cơ sở là 10.000.000 đồng.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình đi vào hoạt động của Trại lợn, Chủ cơ sở là Hộ bà Văn Thị Kim Hiền cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT.

+ QCVN 08:2023/BTNMT – QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9); QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - QCKTQG điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết tuân thủ thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm theo nội dung báo cáo đề xuất.

- Cam kết thực hiện thu gom CTRSH, CTNH theo đúng với quy định.

- Cam kết lập giấy phép khai thác nước ngầm theo đúng quy định.

- Chủ Cơ sở cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của Cơ sở làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao các Văn bản pháp lý liên quan đến Cơ sở;
- Giấy tờ về đất đai theo quy định của pháp luật;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở.
- Bản vẽ công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; các văn bản có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các Hồ sơ tài liệu khác liên quan.
- Hình ảnh liên quan đến Cơ sở.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà **VÂN THỊ KIM HIẾN**

Năm sinh 1972¹ Số CMND 191212807

Địa chỉ thường trú: Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

19732.16.011821

CD 987802

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất :

a) Thửa đất số: 60 . Tờ bản đồ số: 31

b) Địa chỉ : Vung Dộc Neo, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

c) Diện tích : 28840,0 m²

(Bảng chữ : Hai mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi một vuông)

d) Hình thức sử dụng : + Riêng: 28840,0 m² + Chung: Không

đ) Mục đích sử dụng : Đất rừng sản xuất

e) Thời hạn sử dụng : Đến năm 2050

g) Nguồn gốc sử dụng : Nhận chuyển nhượng đất được

2. Nhà ở : -/-

Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

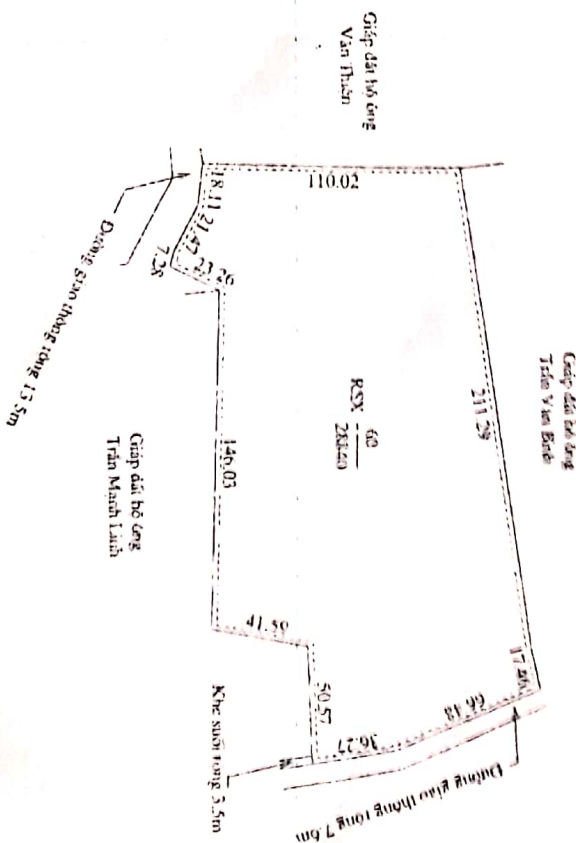
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú : -/-

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỮ DÀN

Ranh giới thửa đất hiện có
Ranh giới thửa đất cấp giấy

Quảng Trị, ngày 15 tháng 12 năm 2016
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Trung Văn

Số và nội dung cấp GCN : CS.ĐD.642

IV. Những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số: 235/TB-UBND

Hải Lăng, ngày 16 tháng 7 năm 2018

THÔNG BÁO

**V/v thực hiện Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp
của bà Văn Thị Kim Hiền – xã Hải Phú**

Căn cứ Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay sản xuất kinh doanh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của UBND huyện về việc ban hành Quy định về hỗ trợ một số cây trồng, con nuôi có hiệu quả, tiềm năng phát triển, tạo sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND huyện Hải Lăng.

Xét báo cáo thẩm định số 57/BC-PNN ngày 12/7/2018 về kết quả thẩm định Dự án thẩm định dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp và Tờ trình số 44/TTr-PNN ngày 12/7/2018 về việc đề nghị phê duyệt dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp của phòng Nông nghiệp & PTNT, UBND huyện Hải Lăng có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho Bà Văn Thị Kim Hiền, thường trú tại thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị thực hiện dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, khu vực Dốc Neo, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

2. Yêu cầu chủ dự án trực tiếp làm việc với Phòng Tài nguyên - Môi trường và các đơn vị liên quan để được hướng dẫn, giải quyết thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất; trong quá trình sản xuất phải thực hiện đúng các nội dung dự án đã lập và thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của Nhà nước. /.

Nơi nhận: ✓

- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT, TN-MT huyện;
- UBND xã Hải Thọ;
- Bà Văn Thị Kim Hiền: Chủ dự án;
- CVP, PVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Giáp

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2485221216

Chứng nhận lần đầu: ngày 06 tháng 07 năm 2021.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư "Xây dựng, mở rộng trang trại chăn nuôi lợn tại Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng" và hồ sơ kèm theo Bà Văn Thị Kim Hiền nộp ngày 21/05/2021, hồ sơ bổ sung do công ty nộp ngày 02/07/2021.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG TRỊ

Chứng nhận nhà đầu tư: Bà Văn Thị Kim Hiền

Sinh ngày: 23/10/1972 Quốc tịch: Việt Nam Giới tính: Nữ

Chứng minh nhân dân số: 197212807

Ngày cấp: 17/02/2017 Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư (ghi bằng chữ in hoa): **XÂY DỰNG, MỞ RỘNG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN TẠI THỊ TRẤN DIÊN SANH, HUYỆN HẢI LĂNG.**

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Chăn nuôi lợn thịt	0145

- Tạo ra một mô hình cơ sở sản xuất con giống và sản phẩm heo thịt thương phẩm chất lượng cao, từ đó từng bước nhân rộng và phát triển các trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa qua đó áp dụng đồng bộ, khép kín các giải pháp công nghệ trong chăn nuôi lợn, tạo ra nguồn con giống ổn định chất lượng cao.

- Tạo ra được tính bền vững, hiệu quả trong chăn nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm và tính cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thu gom, xử lý chất thải, từng bước ứng dụng rộng rãi các giải pháp công nghệ xử lý như: hầm biogas, ủ phân, phát điện bằng biogas... tránh ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, nguồn nước trong khu vực.

- Tạo việc làm và nâng cao mức sống cho lao động địa phương.

- Đóng góp cho thu ngân sách một khoản từ lợi nhuận kinh doanh.

3. Quy mô dự án:

3.1. Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 28.840 m², trong đó, các hạng mục đã xây dựng là 13.782 m², các hạng mục chưa đầu tư xây dựng là 15.058m².

3.2. Công suất thiết kế:

Tổng số đầu lợn trong thời gian nuôi: 3.650 con, trong đó:

- Lợn giống: 150 con

- Lợn con bán giống: 1.500 con/lứa x 02 lứa/năm = 420 tấn/năm

- Lợn thịt: 2.000 con x 03 lứa/năm x 70kg/con = 420 tấn/năm

3.3. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: 3.000 lợn con/năm và 420 tấn thịt lợn/năm

3.4. Quy mô kiến trúc xây dựng:

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
A	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ XÂY DỰNG	m ²	13.782
I	Hạng mục chính	m ²	2.346
1	Khu văn phòng	m ²	35
2	Chuồng nái hậu bị	m ²	690
3	Chuồng nái đẻ	m ²	236
4	Chuồng lợn thịt	m ²	1.220
5	Nhà kho thức ăn	m ²	86
6	Nhà khử trùng	m ²	11
7	Nhà cách ly – Nhà nuôi lợn tân đảo	m ²	68

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
II	Hạng mục phụ trợ	m²	196
1	Bể nước	m ²	55
2	Nhà ở phục vụ công nhân	m ²	141
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	m²	11.240
1	Hầm biogas	m ²	990
2	Hồ sinh học sau biogas	m ²	645
3	Cây xanh	m ²	9.605
B	HẠNG MỤC CHƯA XÂY DỰNG	m²	15.058
I	Hạng mục chính	m²	1.220
1	Chuồng lợn thịt	m ²	1.220
II	Hạng mục phụ trợ	m²	3.820
1	Sân, đường bê tông nội bộ	m ²	2.420
2	Bồn hoa, cây cảnh	m ²	540
3	Cổng + hàng rào khuôn viên (tường gạch cao 2,5m)	m ²	860
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	m²	10.018
1	Hệ thống xử lý nước thải (hoàn thiện)	m ²	800
2	Hố ủ phân	m ²	860
3	Quy hoạch khu vực hố tiêu hủy lợn chết, nhau thai	m ²	200
4	Cây xanh (keo lai, cây ăn quả)	m ²	8.158
	TỔNG CỘNG	m²	28.840

4. Địa điểm thực hiện dự án: thửa đất số 60, tờ bản đồ địa chính số 316, thuộc khu vực Dốc Neo, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: **10.905.000.000 đồng** (Mười tỷ chín trăm lẻ năm triệu đồng)

- Vốn góp của nhà đầu tư: 4.362.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu đồng, chiếm 40%). Tài liệu kèm theo: Giấy xác nhận số dư tài khoản của Bà Văn Thị Kim Hiền ở Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị tại thời điểm 1/12/2020 với số tiền 4.138.005.957 đồng.



TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Vốn Chủ đầu tư: Bà Văn Thị Kim Hiền	4.362.000.000	40 % Tổng mức đầu tư	Tiền mặt	Một lần trước khi thực hiện dự án

- Vốn vay từ ngân hàng: 6.543.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu đồng, chiếm 60%)

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Một lần trước khi thực hiện dự án.

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Tháng 5/2021 - Tháng 6/2021: Hoàn thiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư và các thủ tục liên quan quy hoạch, môi trường, ...

- Tháng 7/2021- Từ tháng 10/2021: Triển khai xây dựng các hạng mục công trình

- Tháng 11/2021: Dự án đi vào hoạt động

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Phụ lục III của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 về hướng dẫn thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung



- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Phụ lục III của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Áp dụng quy định tại Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Phụ lục III của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án :

- Triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

- Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ cam kết, tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật PCCC, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế, Luật Trồng trọt; Luật Chăn nuôi; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành và địa phương.

- Sau khi dự án được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư, yêu cầu nhà đầu tư cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương biết để quản lý và giám sát. Quá trình triển khai, đề nghị Nhà đầu tư thực hiện theo mục đích, kế hoạch được phê duyệt và có phương án đảm bảo vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định. Chỉ triển khai đầu tư dự án trên thực địa sau khi hoàn thành các thủ tục đất đai, môi trường và các điều kiện khác có liên quan theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất (bao gồm đất có rừng), phương án trồng rừng thay thế theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và các quy định hiện hành khác sau khi được Dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Thực hiện khoảng cách an toàn trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 23/2019/TT- BNNPTNT ngày 30/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và Tiêu chuẩn TCVN 9121:2012 Trại chăn nuôi gia súc lớn – Yêu cầu chung.

X.H.C.A
SỞ
E HOẠI
ĐẦU
QUẢNG

- Thiết kế tổng mặt bằng dự án đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 3772:1983 về trại nuôi lợn – yêu cầu thiết kế.

- Dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh; trường hợp thay đổi quy mô, công suất dự án yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; Chấp hành kế hoạch kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận; Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu. Cam kết thực hiện dự án theo tiến độ và sử dụng đất đúng mục đích.




- Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

- Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48, Luật đầu tư số 61/2020/QH14, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh chấm dứt dự án theo đúng quy định.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Bà Văn Thị Kim Hiền được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các sở: NN&PTNT, XD, TC, TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Hải Lăng;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC 
 PHÓ GIÁM ĐỐC 

 Lê Thị Thương



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 57 /TB-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Kính gửi: Bà Văn Thị Kim Hiền

Địa chỉ liên hệ: Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;

Số điện thoại: 0393.434.555.

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh năm 2025; Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành đơn giá bình quân trồng rừng phòng hộ, trồng rừng đặc dụng; trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Văn bản số 774/UBND-KT ngày 16 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đơn trồng rừng thay thế, đơn giá cây trồng lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 2963/SNNMT-KHTC ngày 29/6/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị thông báo đến Bà Văn Thị Kim Hiền số tiền trồng rừng thay thế (tạm thời) phải nộp là 129.463.163 đồng tương ứng với diện tích 1,4943 ha rừng trồng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện thực hiện Dự án Xây dựng, mở rộng trang trại chăn nuôi lợn tại thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng (đợt 2).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ nhận được Thông báo này, Bà Văn Thị Kim Hiền phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế nói trên vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (kèm theo bản cam kết) để triển khai tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định.

Yêu cầu Bà Văn Thị Kim Hiền có trách nhiệm nộp bổ sung đầy đủ số tiền còn thiếu trong trường hợp đơn giá trồng rừng thay thế mới được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt cao hơn đơn giá áp dụng tạm thời (86.638.000 đồng/ha)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch Hoàng Nam (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT_(TTA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



Ủy nhiệm chi

Payment Order

Số No 1

Ngày Date 04-07-2025

Mẫu số 24-VTB

Liên 1, Lưu Copy 1, Bank's copy

Người/Đơn vị trả tiền Applicant Name VAN THI KIM HIEN

Số TK ghi Nợ Debit Account No 109858857979

Tại Ngân hàng With bank VietinBank CN QUANG TRI - PGD THANH CO

Địa chỉ Address HAI PHU, Huyen Hai Lang, TINH QUANG TRI, VIET NAM

Người/Đơn vị hưởng Beneficiary Name QUY BAO VE VA PHAT TRIEN RUNG TINH QUANG TRI

Số TK ghi Có Credit Account No 37610112242291029

Tại Ngân hàng With bank Phong GD so 9 - KBNN Khu vuc XII

Địa chỉ Address

Số CCCD/CMND/HC ID/PP No

Ngày cấp Date of Issue

Nơi cấp Place of Issue

Số tiền bằng số Amount in figures 129,463,163 VND

Đã bao gồm phí Fee Included

Chưa bao gồm phí Fee Excluded

Số tiền bằng chữ Amount in words Một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn một trăm sáu mươi ba đồng

Nội dung Remarks NOP TIEN TRONG RUNG THAY THE HO BA VAN THI KIM HIEN

Kế toán trưởng Chief accountant
Chữ ký, họ tên Signature & full name

Chủ TK A/c holder
Chữ ký, họ tên và dấu (nếu có)
Signature, full name & Stamp (if any)

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervisor



11001 45098 45098

ptn THANH TRAN THOI LOAN 04-07-2025 16:52:24 1 450A25705LMWBFFS DRO

109858857979 VND 37610112242291029 VND QUY BAO VE VA PHAT TRIEN RUNG TINH QUANG TRI

DR 129,463,163 VND 1 CR 129,463,163 VND 1

Phí ngân hàng 38,839 VND VAT 10% 3,884 VND T_Toan Phi 42,723 VND 1:1

109858857979 VAN THI KIM HIEN MST KH không cung cấp MST

Quý khách hàng nhận và tra cứu hóa đơn điện tử tại <https://einvoice.vietinbank.vn>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **976** /QB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **13** tháng **4** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng” tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 28/11/2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải ngày 20/3/2020 của Hộ bà Văn Thị Kim Hiền;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 964/TTr-STNMT ngày 08/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng” (sau đây gọi là Dự án) của Hộ bà Văn Thị Kim Hiền (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện Hải Lăng và Hộ bà Văn Thị Kim Hiền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
“Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại
xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng”

(Kèm theo Quyết định số: **376**/QĐ-UBND ngày **13/4/2020** của UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Tên Dự án

Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

1.2. Chủ dự án

- Chủ đầu tư: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền
- Địa chỉ: Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, Hải Lăng.
- Điện thoại: 01693.434.555
- Người đứng đầu cơ quan Chủ dự án: (Bà) Văn Thị Kim Hiền – Chủ hộ.

1.3. Vị trí địa lý của Dự án

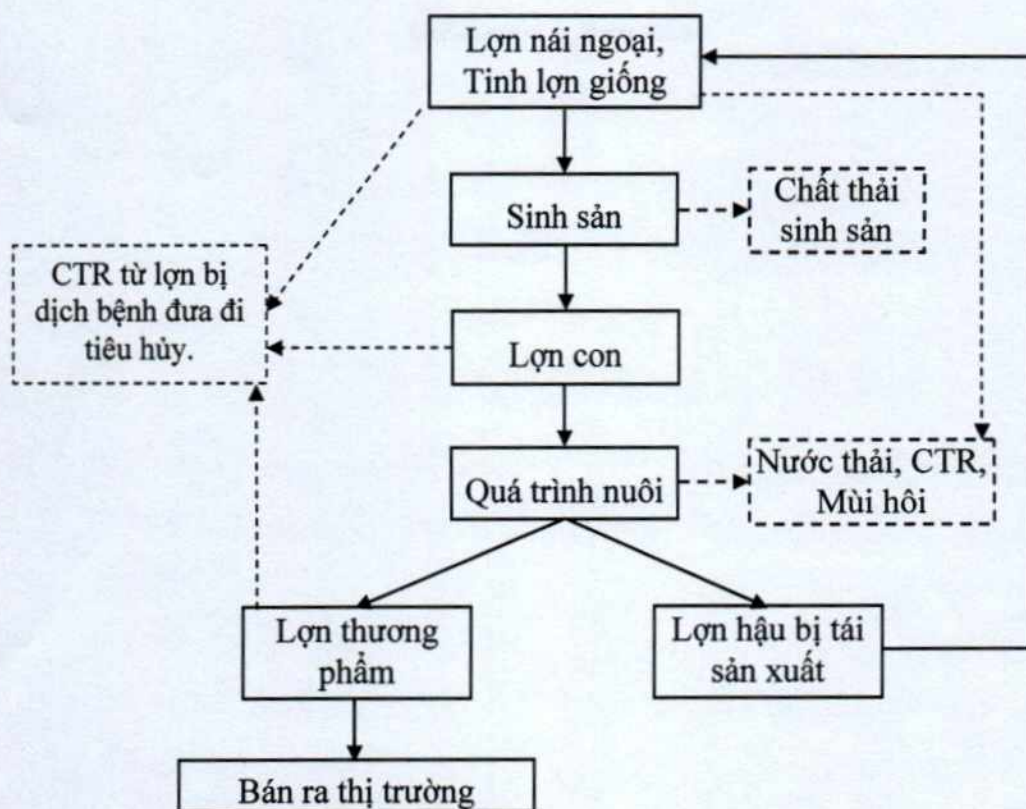
Dự án được xây dựng tại Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thuộc vùng khu vực Dốc Neo, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Tổng diện tích thửa đất 28.840m², là đất rừng sản xuất; đã được UBND tỉnh phê duyệt cho chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất khác tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND huyện Hải Lăng.

1.4. Quy mô, công suất của dự án

- Quy mô diện tích: Diện tích tổng thể của trang trại là 28.840 m²; trong đó các hạng mục đã xây dựng là 13.782 m², các hạng mục chưa đầu tư xây dựng là 15.058 m².
- Quy mô công suất: Tổng số đầu lợn trong thời gian nuôi: 3.650 con, trong đó:
 - + Lợn giống: 150 con.
 - + Lợn con bán giống: 1.500 con/lứa x 02 lứa/năm = 3.000 con/năm;
 - + Lợn thịt: 2.000 con x 03 lứa/năm x 70kg/con = 420 tấn/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành

* Quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp như sau:



1.6. Các hạng mục công trình của dự án

- Diện tích tổng thể của trang trại là 28.840 m²; trong đó các hạng mục đã xây dựng là 13.782 m², các hạng mục chưa đầu tư xây dựng là 15.058 m², chi tiết như sau:

Bảng 1. Các hạng mục xây dựng của dự án

STT	Hạng mục	ĐVT	Diện tích	Tiến độ đầu tư
I	Hạng mục công trình đã xây dựng		13.782	
	Hạng mục chính			
1	Khu Văn phòng	m ²	35	Các hạng mục đã được thống kê trong đo đạc để cấp giấy CNQSD đất
2	Chuồng nái hậu bị	m ²	690	
3	Chuồng nái đẻ	m ²	236	
4	Chuồng lợn thịt	m ²	1.220	
5	Nhà kho thức ăn	m ²	86	
6	Nhà khử trùng	m ²	11	
7	Nhà cách ly - Nhà nuôi lợn tân đáo	m ²	68	
	Hạng mục phụ trợ			
8	Bể nước	m ²	55	
9	Nhà ở phục vụ công nhân	m ²	141	
	Hạng mục bảo vệ môi trường			
10	Hầm biogas	m ²	990	

STT	Hạng mục	ĐVT	Diện tích	Tiền độ đầu tư
11	Hồ sinh học sau biogas	m ²	645	
12	Cây xanh	m ²	9.605	
II	Hạng mục chưa xây dựng		15.058	Hoàn thiện trong năm 2020
	Hạng mục chính			
13	Chuồng lợn thịt	m ²	1.220	
	Hạng mục phụ trợ			
14	Sân, đường bê tông nội bộ	m ²	2.420	
15	Bồn hoa, cây cảnh	m ²	540	
16	Cổng + Hàng rào khuôn viên (tường gạch cao 2,5m).	m ²	860	
	Hạng mục bảo vệ môi trường			
17	Hệ thống xử lý nước thải (hoàn thiện)	m ²	800	
18	Hố ủ phân	m ²	860	
19	Quy hoạch khu vực hồ tiêu hủy lợn chết, nhau thai	m ²	200	
20	Cây xanh (keo lai, cây ăn quả)	m ²	8.158	
	Tổng diện tích		28.840	

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

(Chi tiết tại bảng 2, mục 5.1)

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

(Chi tiết tại bảng 2 mục 5.1)

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

(Chi tiết tại bảng 2, mục 5.1)

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 2. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường

TT	Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (ngàn đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I	Giai đoạn xây dựng hoàn thiện					
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công, từ quá trình đào, đắp đất... - Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phun nước thường xuyên ở những nơi phát sinh nhiều bụi tần suất 02 lần/ngày (tập trung ở tuyến đường từ ĐH 54 vào đến dự án). - Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ có khả năng phát sinh khí thải lớn. - Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ và không chở quá tải. - Trồng thêm cây xanh ở bồn hoa (90m²). 	200/ngày (phun nước)	Đã thực hiện 2018 Bổ sung giai đoạn hoàn thiện 2020	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Chủ dự án
2	Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà vệ sinh tự hoại ba ngăn (6m³). - Xây dựng hệ thống thoát nước mưa dài 420m. - Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình. 	120.000 (hệ thống thoát nước) 35.000 (bể tự hoại)			
3	CTR xây dựng, CTR sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> - CTR xây dựng tái sử dụng cho các mục đích khác nhau như: san lấp mặt bằng hoặc bán phế liệu. - Rác thải sinh hoạt thu gom bỏ vào 01 thùng rác loại 120L bố trí ở khu vực lán trại. 	2.200			

II Giai đoạn hoạt động		Chủ dự án		Chủ dự án		Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại	
1	- Khí thải, mùi hôi từ phân lợn và nước thải.	- Thiết kế chuồng trại thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải kín hoàn toàn đảm bảo mùi hôi không phát sinh. - Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1 lần /ngày), phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần).	2.000/tháng				
	- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.	- Trồng cây cảnh điều hòa môi trường vi khí hậu. - Các phương tiện ra vào kho không được nổ máy trong quá trình bốc xếp nguyên liệu và sản phẩm. - Trang bị bảo hộ lao động: khẩu trang, mũ, giày, áo quần bảo hộ...vv.	50.000 (trồng cây cảnh) 10.000 (bảo hộ lao động)				
	- Nước thải từ chăn nuôi.	- Xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi: sửa chữa bể Biogas, xây dựng thêm 01 hồ sinh học diện tích 800m ² (trước khi đi vào hoạt động chính thức). - Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa. - Sử dụng bể tự hoại 3 ngăn (6m ³) thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đã xây dựng.	100.000 (HTXLNT)				
2	- Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.	- Rác thải sẽ được thu gom, phân loại để vào thùng đựng rác loại 120L và hợp đồng với Trung tâm Môi trường Công trình đô thị huyện Hải Lăng xử lý.	500/tháng				
	- CTR sinh hoạt.	- Xây hố 04 ù phân kích thước (5x 5x1)m, bón cho vườn cây và bán cho các hộ dân có nhu cầu. (trước khi đi vào hoạt động chính thức).	20.000				
3	- CTR từ phân lợn; CTR từ bùn hệ thống xử lý nước thải.	- Thu gom, phân loại, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở tái chế.					
	- CTR từ bao bì thức ăn.						

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

* *Giám sát chất lượng không khí trong môi trường lao động*

- Số lượng giám sát: 01 điểm.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đường đến chuồng nuôi (X = 1.842.152m; Y = 603.149m)
- Chỉ tiêu giám sát: Bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃.
- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc); QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

b. Giám sát chất lượng nước thải

- Số lượng giám sát: 02 mẫu nước thải.
- Vị trí giám sát:
 - + Mẫu NT1 nước thải trước hệ thống xử lý (X = 1.842.156m; Y = 603.028m).
 - + Mẫu NT2 nước thải sau hệ thống xử lý (X = 1.842.086m; Y = 603.003m).
- Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng thải, pH, SS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phosphat, Coliform, E.coli.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi; QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

c. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26/2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), Tiêu chuẩn theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế (quy định độ bụi trong môi trường lao động).
- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).
- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản hướng dẫn liên quan, an toàn và vệ sinh môi trường.

- Thực hiện các biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, an toàn sinh học trong chăn nuôi theo các quy chuẩn QCVN 01-14:2010/BNNPTNT; QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT và các quy chuẩn liên quan đến ngành chăn nuôi.

6.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **70** /GP-UBND

Quảng Trị, ngày **12** tháng **6** năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền ngày 09 tháng 5 năm 2025 và hồ sơ kèm theo; đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 356/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền, địa chỉ tại xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên công trình: Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp.
- Mục đích khai thác nước: Cấp nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và chăn nuôi.
- Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
- Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (O₃-S), có áp.
- Tổng số giếng khai thác: Một (01) giếng khoan.
- Tổng lưu lượng nước khai thác: 67m³/ngày đêm.
- Thời hạn của giấy phép là năm(05) năm.
- Chế độ khai thác của công trình: 365 ngày/năm.

9. Toạ độ và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến		
LK.01	1842159	603149	10,0	35,0	20,5	O ₃ -S

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.
3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Thuế khu vực XI;
- Lưu: VT, KT_{Tuấn}.

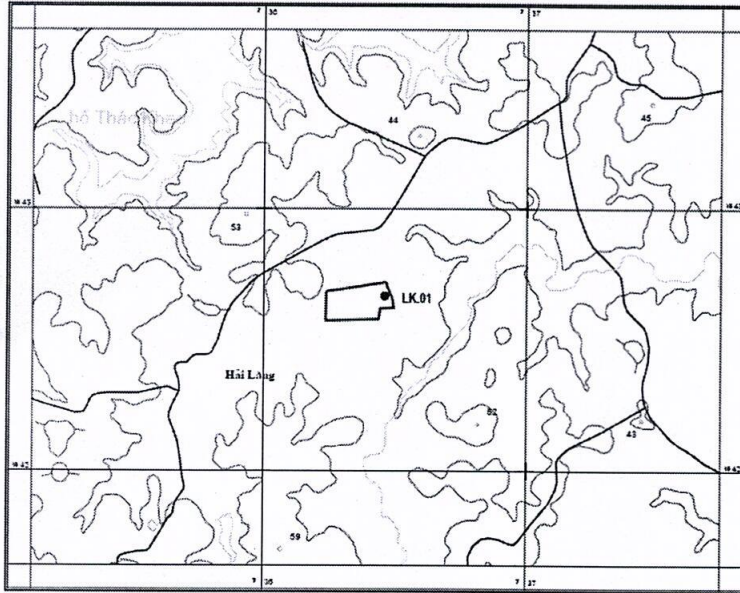
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Hoàng Nam

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
Công trình Xây dựng, mở rộng Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
của Hộ gia đình bà Văn Thị Kim Hiền

(Kèm theo Giấy phép số **70** /GP-UBND ngày **12** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh)



TỶ LỆ 1:10.000
1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế
0 100 200 300 400

CHÚ GIẢI

I. THÔNG SỐ GIẾNG KHAI THÁC

Số hiệu giếng	Toạ độ (VN2000 Kinh tuyến trục 106°15', múi 3°)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước đồng lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến		
LK.01	1842159	603149	10,0	35,0	20,5	C ₁ -S

II. KÝ HIỆU

- Ranh giới khu vực dự án
- Hải Lăng Địa danh
- Sông suối
- Đường giao thông
- 63 Điểm đo cao và giá trị
- LK.01 Vị trí giếng khai thác
- Dân cư

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường

Kính gửi: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền

Thực hiện Kế hoạch số 1146/KH-STNMT ngày 07/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc khảo sát, kiểm tra việc thực hiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng” do Hộ bà Văn Thị Kim Hiền làm Chủ cơ sở, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Thông tin chung

- Dự án “Xây dựng, mở rộng trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng” được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 13/4/2020.

- Cơ sở đã đầu tư hệ thống chuồng trại chăn nuôi lợn, công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và đi vào hoạt động cuối năm 2020.

- Quy mô, công suất thiết kế:

+ Diện tích sử dụng đất: 28.840m².

+ Công suất nuôi: 150 lợn giống; 2.000 con lợn thịt x 03 lứa/năm; 1.500 lợn con/lứa x 02 lứa/năm. Thời điểm kiểm tra Chủ cơ sở nuôi 1.000 lợn thịt và 150 lợn nái.

2. Tình hình thực hiện, xây dựng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường

2.1. Về công trình xử lý chất thải, biện pháp bảo vệ môi trường:

- Đối với mùi:

+ Đã trồng cây xanh quanh khuôn viên Cơ sở để hạn chế phát tán mùi.

+ Đã thực hiện tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại trong suốt quá trình chăn nuôi, tần suất 02 lần/tuần.

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: đã xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại 03 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Nước mưa chảy tràn: đầu tư ống PVC thu gom nước mưa tầng mái xuống mương bê tông, sau đó thoát ra mương đất ngoài khuôn viên phía Đông Nam Cơ sở.

+ Nước thải sản xuất: hiện nay Cơ sở đã đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi gồm: mương thu gom nước thải và hệ thống hố ga từ các

dãy chuồng nuôi, 02 hầm biogas, 01 hồ sinh học (hồ đất chưa được lót đáy, chưa trồng cây thủy sinh), nước thải sau đó thoát ra khe nước phía Đông Nam Cơ sở.

- Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: đã bố trí các thùng đựng để thu gom, lưu giữ, định kỳ đốt trong khuôn viên.

+ Xử lý phân thải chăn nuôi: phân thải chuồng lợn nái, lợn con được thu gom đóng bao, để trong khuôn viên và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua; phân thải chuồng nuôi lợn thịt được xả vào 02 hầm biogas.

+ Chất thải rắn như kim tiêm, vỏ thuốc thú y: thu gom và trả lại cho đơn vị cung cấp; quy hoạch và bố trí khu vực tiêu hủy nhau thai, lợn chết.

2.2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Cơ sở đã thực hiện chế độ kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hàng năm đầy đủ; tuân thủ chương trình quan trắc chất thải định kỳ và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

3. Các yêu cầu đối với Cơ sở

Nhằm thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Chủ cơ sở thực hiện một số nội dung sau:

1) Tu sửa nâng cấp hầm biogas số 1 bị hỏng (rách, thủng), đảm bảo kín và sinh khí gas. Bổ sung đầy đủ số lượng hồ sinh học theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt (bổ sung thêm 01 hồ), bổ sung lót đáy bằng bạt kín đối với các hồ sinh học, trồng thêm cây thủy sinh ở các hồ sinh học nhằm tăng cường khả năng xử lý, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt Quy chuẩn quy định; bố trí khu vực nhà ủ và chứa phân khi đã gom vào các bao; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải ký kết hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý.

2) Lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường và tổ chức vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022); báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm phải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hải Lăng.

3) Thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên trước ngày 25/12/2023 và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hải Lăng theo dõi công tác khắc phục của Cơ sở.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Hộ bà Văn Thị Kim Hiền nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Hải Lăng;
- GD, PGD Ng.H.Nam;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Số: 2024/KQTN-D1104-K357

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

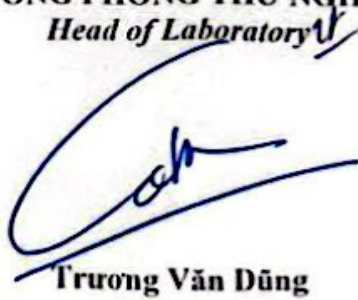
1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty TNHH Giang Hiền Quảng Trị
2. Địa điểm/ Address : Trang trại chăn nuôi heo Giang Hiền tại thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng
3. Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
4. Mã mẫu/ Sample code : KK175/04112024
5. Số lượng/ Quantity : 01
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/11/2024
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 11/11/2024

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 05: 2023/ BTNMT
				K	
1	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,123	0,3
2	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	<0,015	0,2
3	H ₂ S	mg/m ³	MASA 701	<0,012	0,042
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,061	0,35
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	0,046	0,2
6	CO	mg/m ³	SOP.MH.KXQ-LAB-05	3,04	30
7	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	61,1	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:
+ K: Tại đường đến chuồng nuôi của trang trại; Tọa độ: 107°13'07,71" E; 16°39'13,06" N
- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:
+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.
+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory



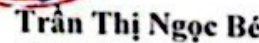
Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2024

GIÁM ĐỐC
Director



CÔNG TY TNHH
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
MINH HOANG
TP ĐỒNG HỚI - QUẢNG BÌNH



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERTS và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Không tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2025/HĐKT/DSO/HKDVTKH-LLM

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 07 năm 2025, chúng tôi gồm có:

I. BÊN A: HỘ KINH DOANH VĂN THỊ KIM HIỀN

Địa chỉ: Xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 01693.434.555

MST: 3200269620

Người Đại diện: (Bà) **VĂN THỊ KIM HIỀN** - Chức vụ: Chủ hộ

II. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA

Địa chỉ: Khu dịch vụ công cộng - khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0255.3908.001

Mã số thuế: 4300357921

Tài khoản số: 57300 66488 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Dung Quất

Người Đại diện: (Ông) **HUỶNH VĨNH PHÚC** - Chức vụ: **Giám đốc KLH**

Sau khi bàn bạc, thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A giao và Bên B đồng ý thực hiện dịch vụ:

- Vận chuyển và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà Bên A là chủ nguồn thải.
- Các CTNH phát sinh tại địa chỉ cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp - Khu vực Dốc Neo, xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị
- Danh sách CTNH:

STT	Danh mục CTNH	Mã CTNH	Đơn vị tính
01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Kg

02	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Kg
03	Các chi tiết, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có amiăng	15 01 06	Kg
04	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Kg
05	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Kg
06	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 02 02	Kg
07	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ sâu và các loài gây hại (chuột, gián, muỗi...)	14 01 01	Kg
08	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ cỏ	14 01 02	Kg
09	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	Kg

1.2. Thời gian thực hiện:

- Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển cho bên A theo tần suất tối thiểu 01 lần/năm.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A xác nhận nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển xử lý. Thời gian thông báo: trước 03 ngày để Bên A chuẩn bị công tác bàn giao. (Vào quý 4).

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý các CTNH theo qui định của nhà nước về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh CTNH. Khối lượng các dụng cụ lưu chứa tối đa là 200 kg/một dụng cụ.
- Chịu trách nhiệm cân, đo khối lượng chất thải khi bàn giao cho bên B.
- Hỗ trợ xe nâng (nếu cần thiết), phối hợp với Bên B bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B.
- Phối hợp với Bên B trong quá trình giao nhận CTNH để công việc tiến hành một cách an toàn và nhanh chóng.
- Cử người đại diện để cùng Bên B thực hiện việc giao nhận chất thải và xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận CTNH.
- Thực hiện ký, đóng dấu vào tất cả các liên chứng từ CTNH trước khi Bên A tiến hành chuyển giao chất thải cho Bên B. Khi Bên B tiếp nhận chất thải từ Bên A, Bên A giữ liên số 3 và chuyển các liên còn lại cho Bên B.
- Thanh toán đầy đủ giá trị dịch vụ cho Bên B theo đơn giá quy định của hợp đồng.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để tiếp nhận chất thải tại các điểm tập kết CTNH của bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận.
- Chịu trách nhiệm xử lý và tiêu hủy các CTNH theo đúng quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm bốc xếp các chất thải đã được đóng gói và lưu trữ tạm thời đưa lên xe vận chuyển CTNH của Bên B.
- Cử đại diện để cùng Bên A phối hợp thực hiện việc giao nhận CTNH, xác nhận khối lượng vào biên bản giao nhận chất thải nguy hại và Chứng từ CTNH đảm bảo việc thu gom thực hiện an toàn, nhanh chóng và đúng yêu cầu của bên A.
- Khi tiếp nhận chất thải nguy hại từ Bên A, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) của Bên B ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của chứng từ và gửi trả liên 3 cho Bên A.
- Thực hiện việc xử lý ký, đóng dấu vào tất cả các liên chứng từ chất thải nguy hại nhận được sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn chất thải nguy hại và gửi trả liên 4 chứng từ chất thải nguy hại cho Bên

A theo đúng quy định của pháp luật.

- Bên B có quyền từ chối hoặc tạm ngừng tiếp nhận chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng hoặc không phân loại, đóng gói và lưu trữ chất thải theo đúng quy định về "Quản lý chất thải nguy hại".

- Tuân thủ quy định và nội quy của Bên A.

- Tư vấn các vấn đề về pháp lý, kỹ thuật trong việc phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo qui định của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm pháp lý trước các cơ quan chính quyền theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 3: KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI – ĐƠN GIÁ – GIÁ TRỊ THANH TOÁN

3.1. Khối lượng chất thải để đưa vào xác định giá trị thanh toán là khối lượng chất thải của mỗi đợt giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên thông qua “Biên bản giao nhận chất thải nguy hại”.

3.2. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH:

Nấc khối lượng (Kg)	Bảng giá tính cho một chuyến vận chuyển và xử lý (VNĐ)
Đến 200 Kg	7.000.000
Mỗi 1 Kg tiếp theo	10.000
<i>Lưu ý: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT</i>	

3.3. Giá trị thanh toán:

- Trường hợp khối lượng chất thải của Bên A tại thời điểm thu gom nhỏ hơn hoặc bằng 200kg thì bên A sẽ phải thanh toán cho bên B mức phí là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Trong trường hợp khối lượng chất thải của Bên A tại thời điểm thu gom vượt quá 200kg thì giá trị thanh toán được tính bằng 7.000.000 đồng (*cho 200kg đầu tiên*) cộng với giá trị xử lý của phần khối lượng chất thải vượt trên 200kg. Đơn giá xử lý của khối lượng chất thải vượt trên 200kg là 10.000 đồng/kg.

- Đơn giá và giá trị thanh toán trên chưa bao gồm thuế VAT. Thuế VAT được tính tại thời điểm xuất hoá đơn theo quy định của Nhà Nước.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Tạm ứng:

- Bên A tạm ứng trước cho Bên B số tiền là: **7.560.000 đồng** (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) tại thời điểm 02 (hai) Bên ký hợp đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào đợt thu gom lần đầu tiên.

- Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng mà Bên A không chuyển giao chất thải cho Bên B thì mặc nhiên số tiền tạm ứng thuộc về Bên B.

4.2. Thanh toán:

- Bên A thanh toán giá trị còn lại (*nếu có*) của từng đợt vận chuyển cho Bên B bằng tiền Việt Nam Đồng theo phương thức chuyển khoản trong vòng 15 ngày khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm :

1. Các biên bản giao nhận chất thải (bản photo).
2. Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán cho từng đợt có xác nhận của người có thẩm quyền hai bên.
3. Liên chứng từ chất thải nguy hại môi trường số 4
4. Hoá đơn tài chính theo qui định của Bộ Tài Chính.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên như thiên tai và các biến động của xã hội như chiến tranh, nổi loạn, khủng bố; làm cản trở việc thực hiện hợp đồng của một trong hai bên.

5.2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng làm một bên không thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia trong vòng 03 ngày và được miễn thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

6.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

6.2. Bên nào vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Nếu tranh chấp hợp đồng xảy ra mà hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ trình lên Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết, và phán quyết của Tòa án là cơ sở cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

6.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 06/07/2026.

6.4. Sau khi 02 (hai) Bên đã hoàn thành nhiệm vụ và không có tranh chấp xảy ra, hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

6.5. Hợp đồng được thành lập làm 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Văn Thị Kim Hiền

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KLH
Huyền Vinh Phúc

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5438/STNMT-CCBVMT

Quảng Trị, ngày 05 tháng 12 năm 2024

V/v trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép
môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn
nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã
Hải Thọ, huyện Hải Lăng

Kính gửi: Hộ bà Văn Thị Kim Hiền

Ngày 29/11/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản của Hộ bà Văn Thị Kim Hiền về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng kèm theo hồ sơ liên quan. Sau khi xem xét hồ sơ, Sở trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở, với lý do nội dung và phụ lục kèm theo báo cáo thiếu nhiều nội dung quan trọng phục vụ cho công tác thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trong đó có các nội dung chính sau:

1. Phần hạng mục chưa làm rõ hiện trạng đầu tư bổ sung về hệ thống xử lý nước thải; kết quả báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm.

2. Phụ lục báo cáo thiếu: Bản vẽ đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật: Bản vẽ mặt bằng tổng thể sau khi đã bổ sung hạng mục hệ thống xử lý nước thải; Bản vẽ hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Bản vẽ hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải; Bản vẽ chi tiết các hạng mục hệ thống xử lý nước thải; Thông tin về máy tách phân (bản vẽ hoàn công/xuất xứ nguồn gốc)? Hợp đồng xử lý CTR, chất thải thú y; Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc; Các Văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của Cơ sở;

Đề nghị Chủ Cơ sở lập đúng thành phần hồ sơ, nội dung, cấu trúc báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Hộ bà Văn Thị Kim Hiền biết và thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD N.H.Nam;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Nguyễn Hữu Nam

HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ ÁN



Khu vực chuồng nuôi và khu xử lý chất

4.2.2



Máy tách phân



Hồ biogas cũ tận dụng làm hồ lắng



Hồ biogas cũ đang sử dụng



Hồ biogas xây dựng mới



Hồ sinh học 1

HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG KHU VỰC DỰ ÁN



02 Bãi lọc ngầm trồng cỏ Ventivo



Hồ sinh học 2



Bể khử trùng



Kho chứa CTNH

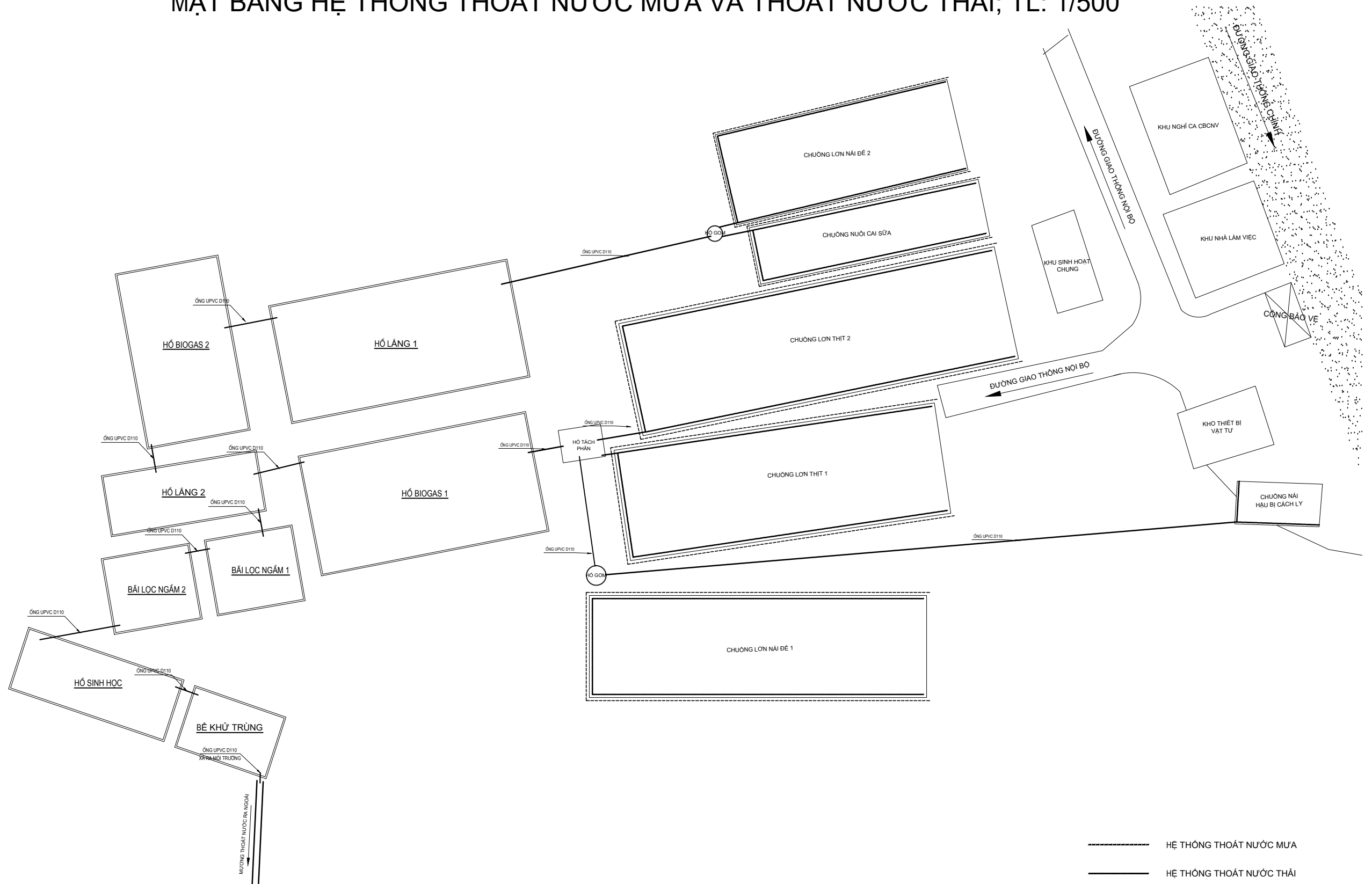


Thùng đựng CTNH



Lắp đặt lưới giảm thiểu mùi

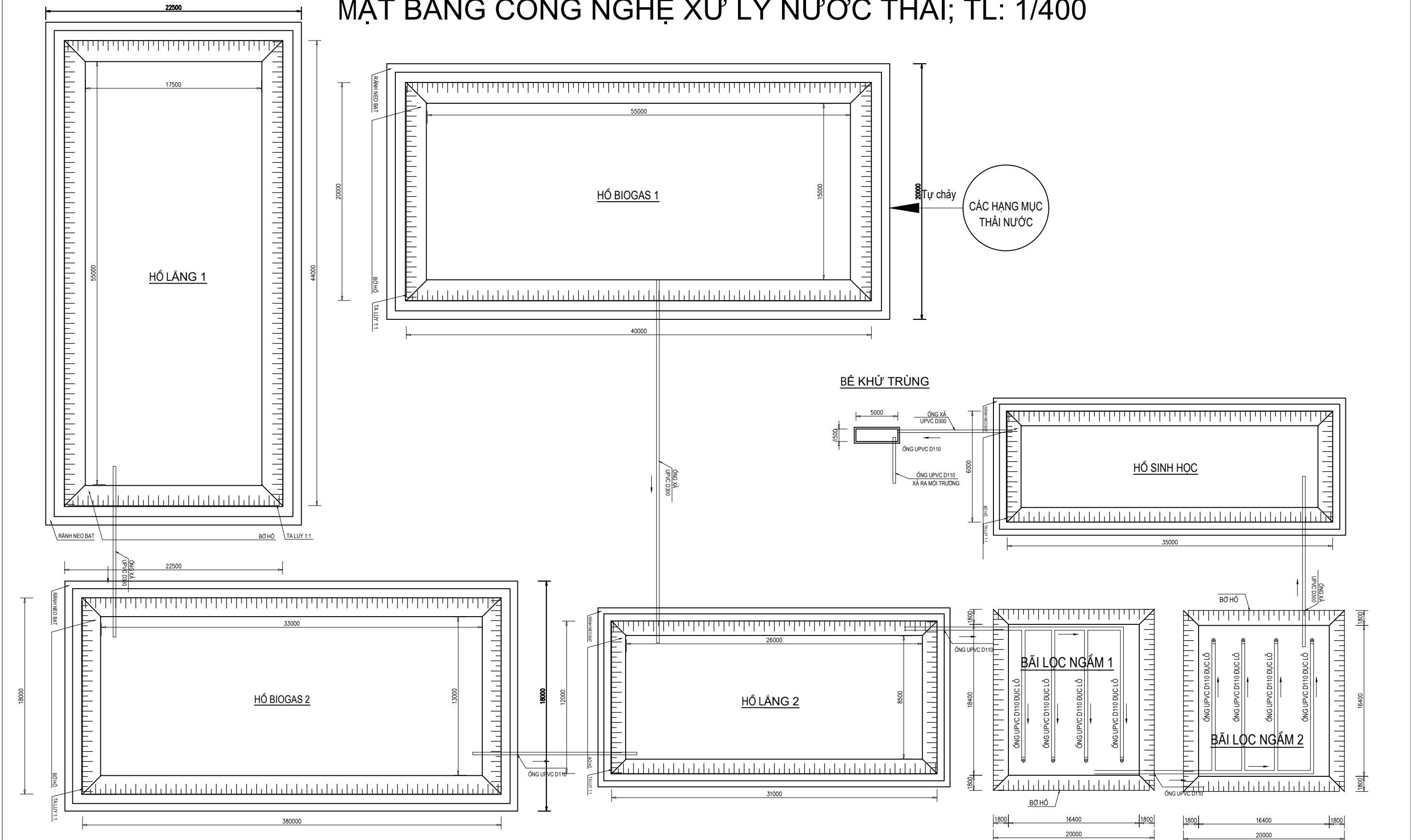
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA VÀ THOÁT NƯỚC THẢI; TL: 1/500



----- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
 ————— HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC	CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng	TỶ LỆ	
		BẢN VẼ SỐ	
		MÃ HỒ SƠ	
		LẦN XUẤT BẢN	

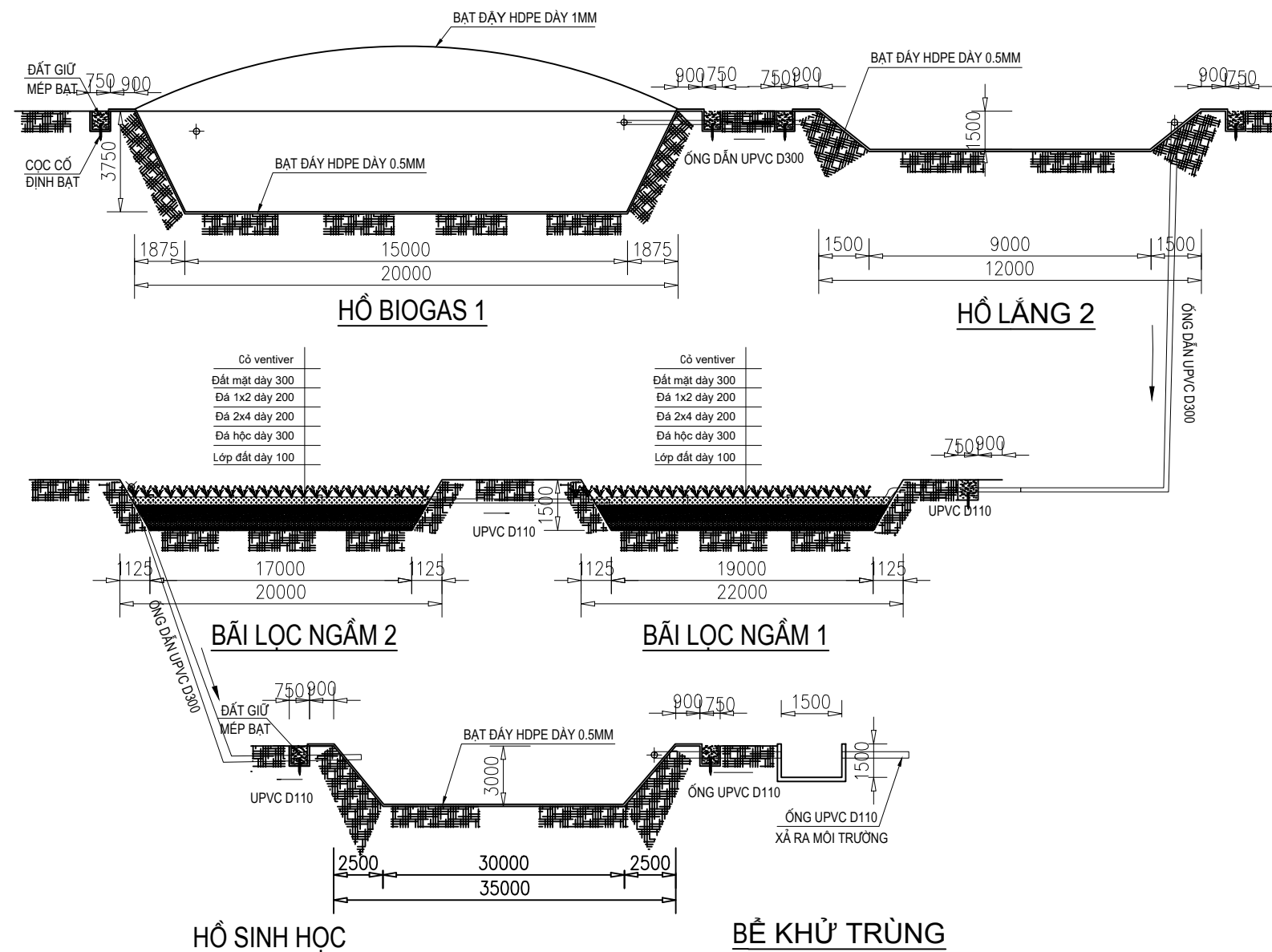
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI; TL: 1/400



BẢN VẼ:
MẶT BẰNG

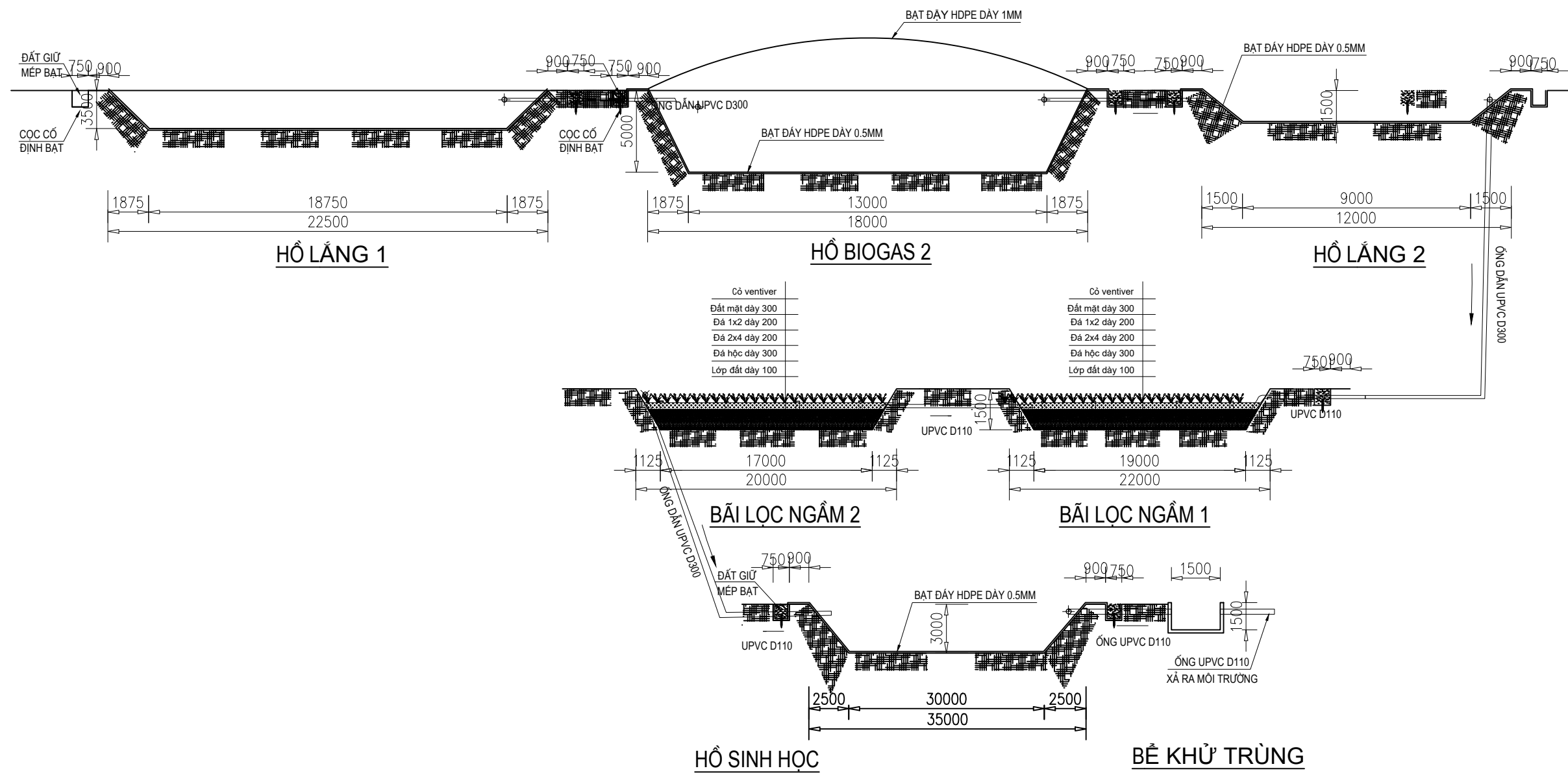
CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lãng

TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	



MẶT CẮT NGANG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI; TL: 1/200

	BẢN VẼ: M ẶT CẮT NGANG	CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng	TỶ LỆ	
			BẢN VẼ SỐ	
			K.HIỆU BẢN VẼ	
			MÃ HỒ SƠ	
			LẦN XUẤT BẢN	



MẶT CẮT NGANG CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI; TL: 1/250

BẢN VẼ:

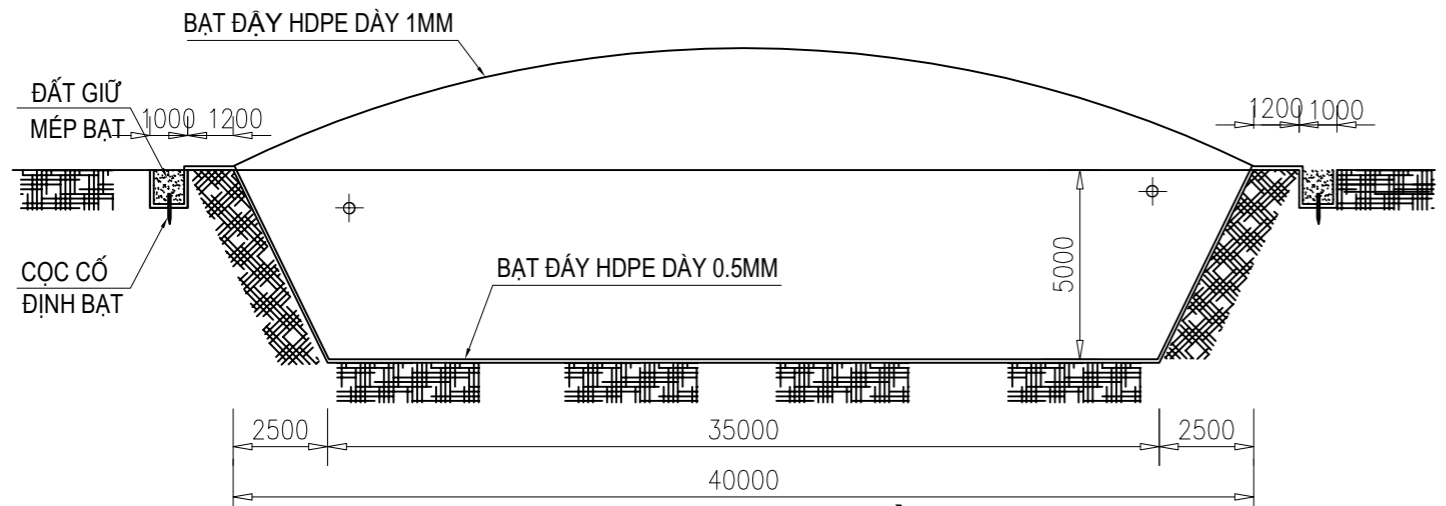
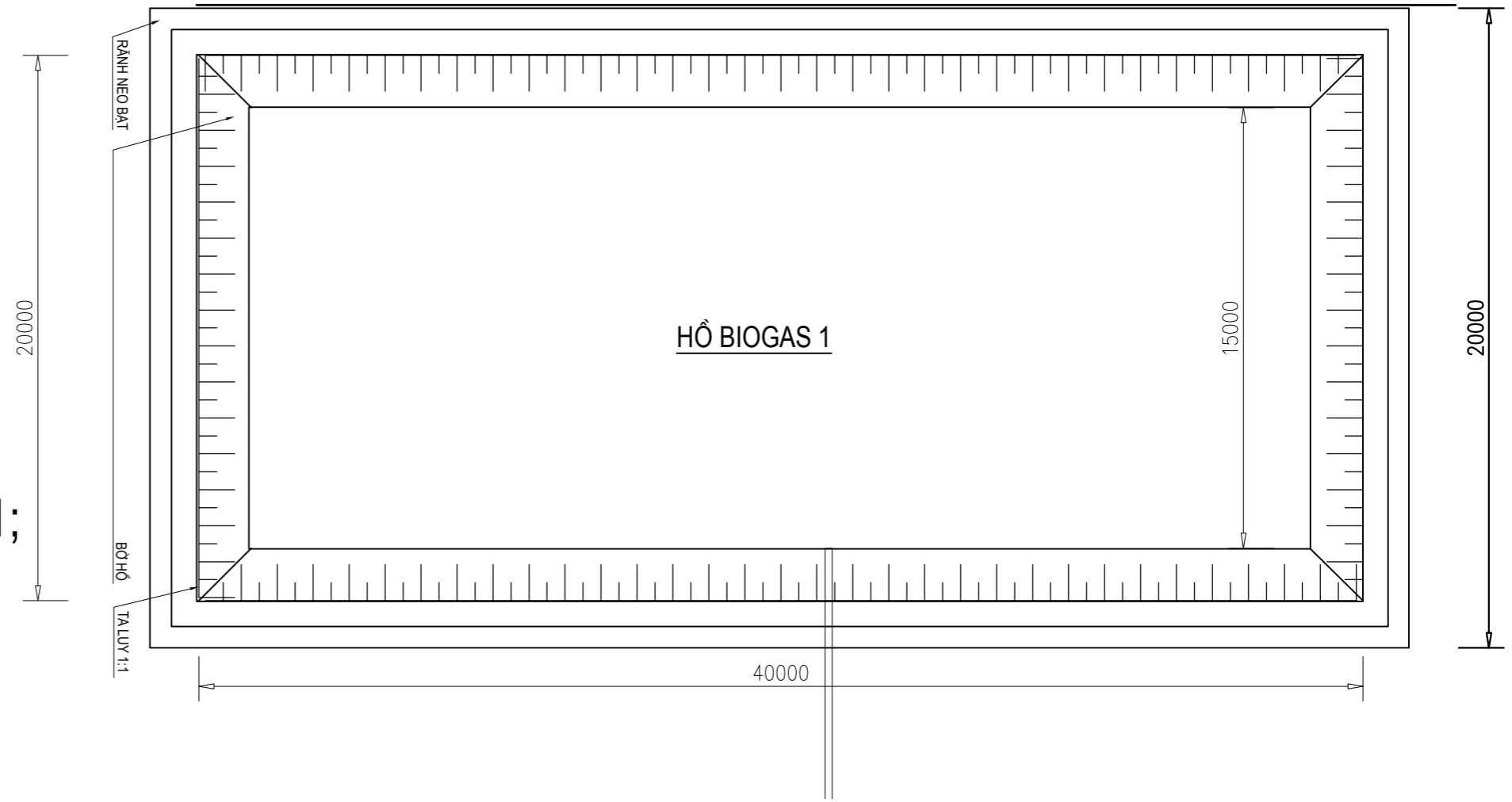
CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	

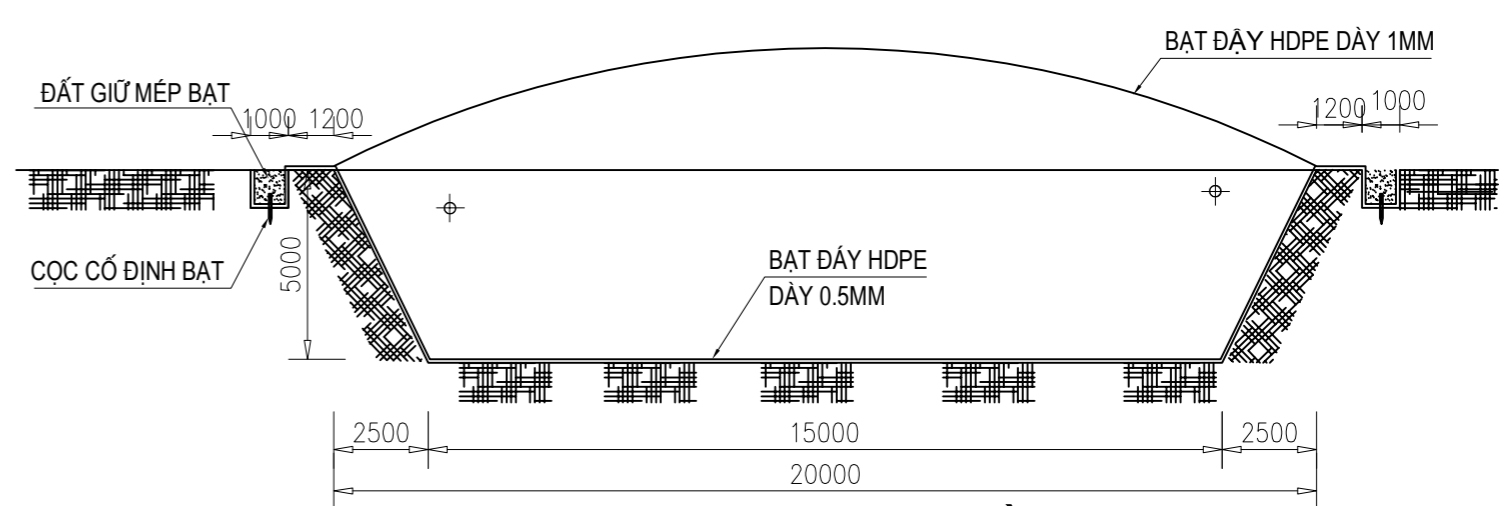
CÁC HẠNG MỤC
THẢI NƯỚC

Tự chảy

MẶT BẰNG HỒ BIOGAS 1;
TL: 1/200



MẶT CẮT DỌC HỒ BIOGAS



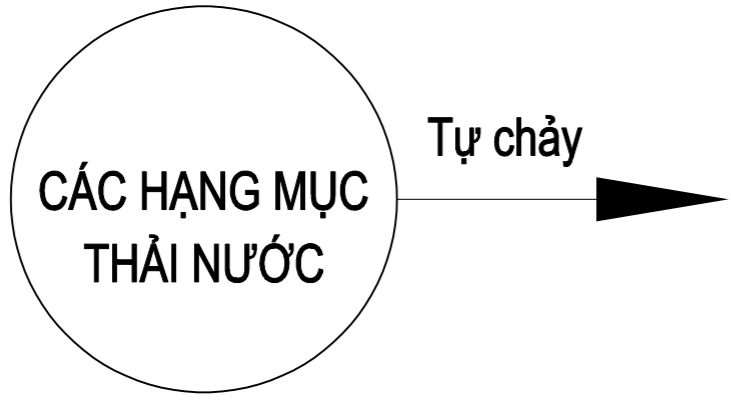
MẶT CẮT NGANG HỒ BIOGAS

BẢN VẼ:

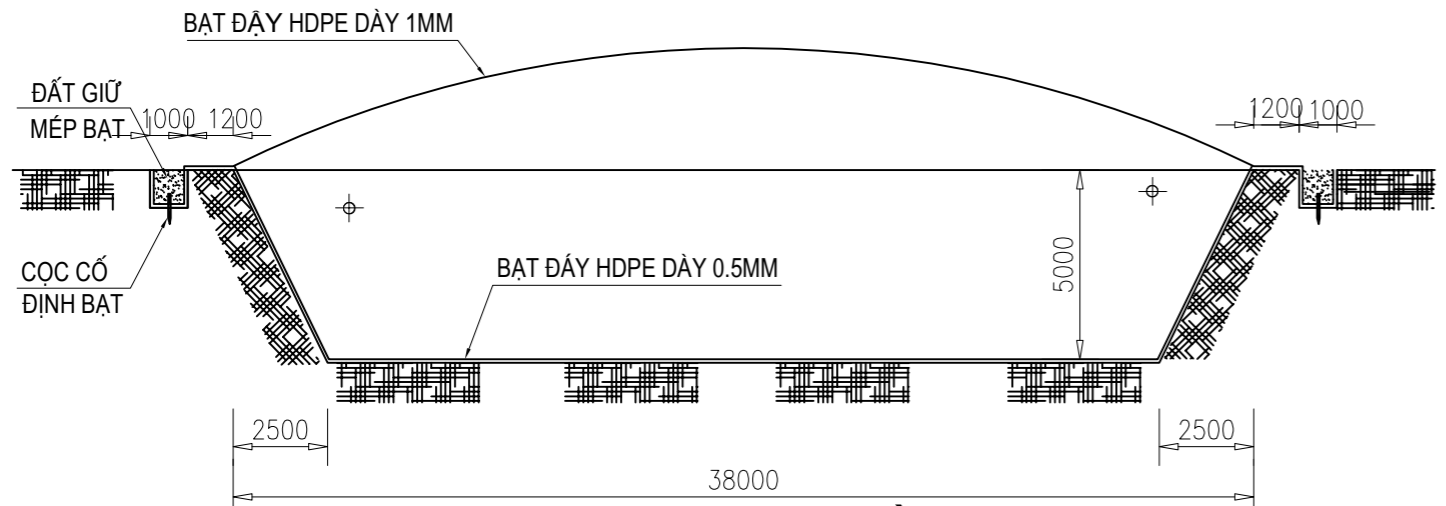
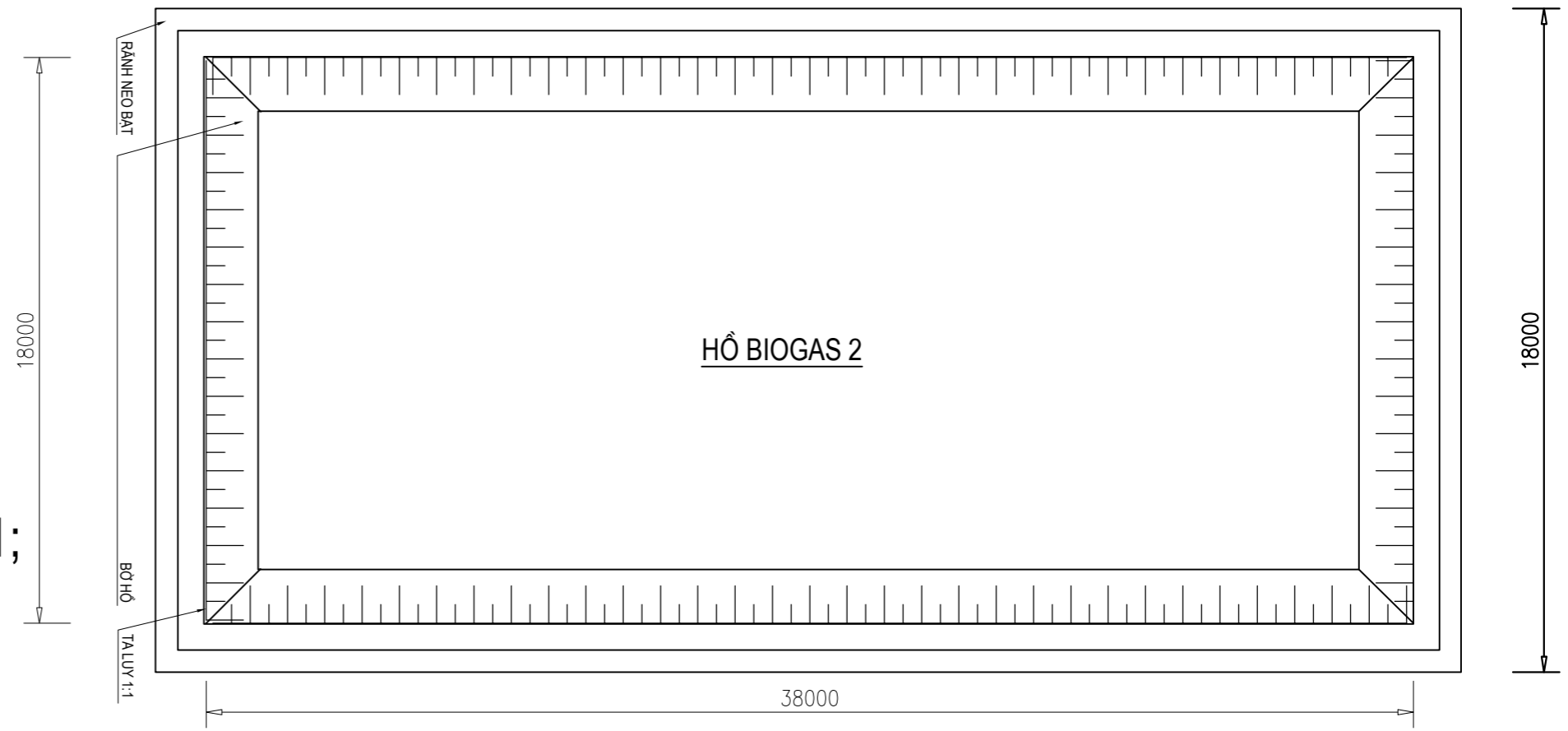
CHI TIẾT HỒ BIOGAS 1

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

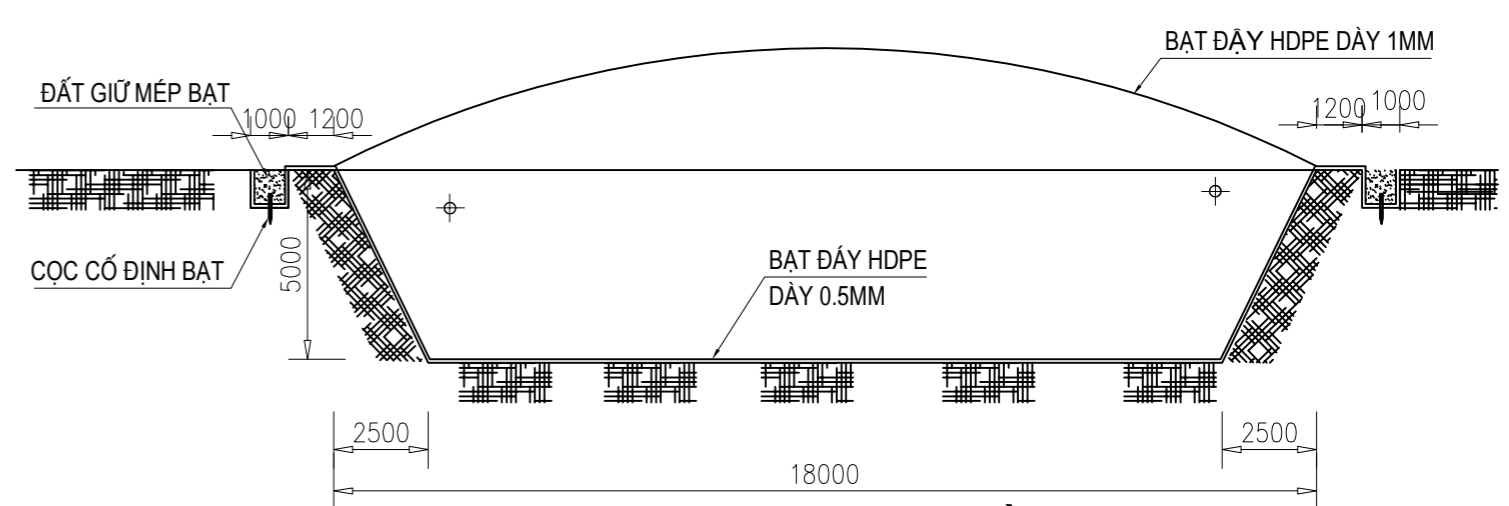
TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	



MẶT BẰNG HỒ BIOGAS 1;
TL: 1/200



MẶT CẮT DỌC HỒ BIOGAS

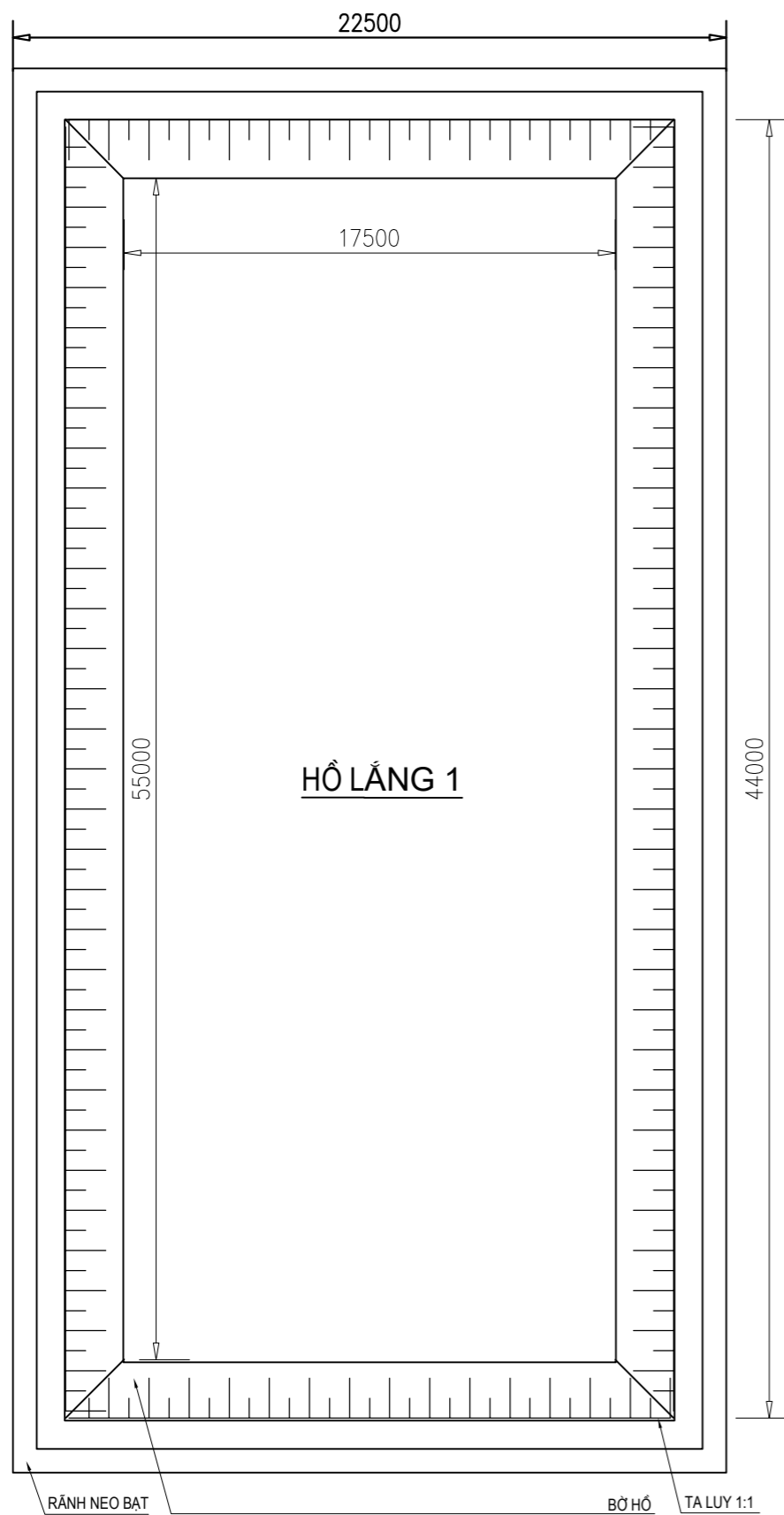


MẶT CẮT NGANG HỒ BIOGAS

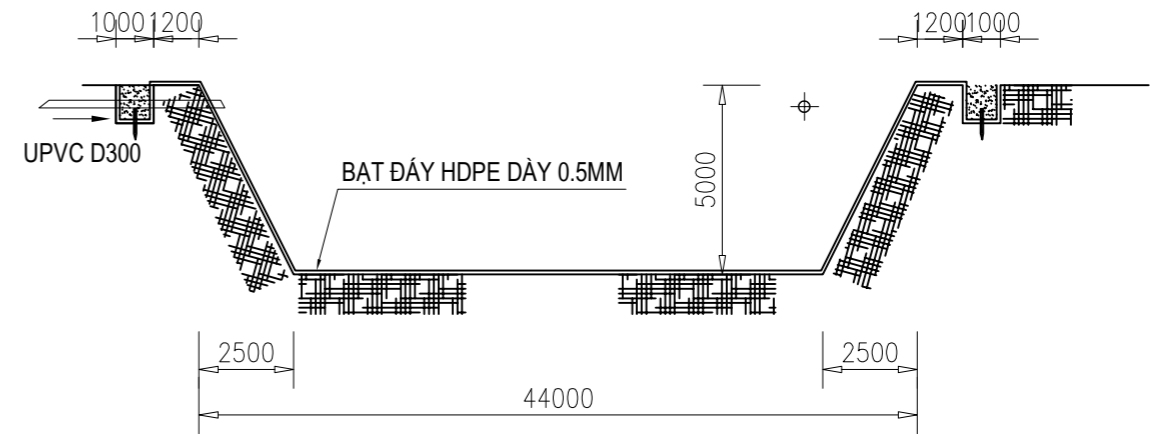
BẢN VẼ:
CHI TIẾT HỒ BIOGAS 2

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

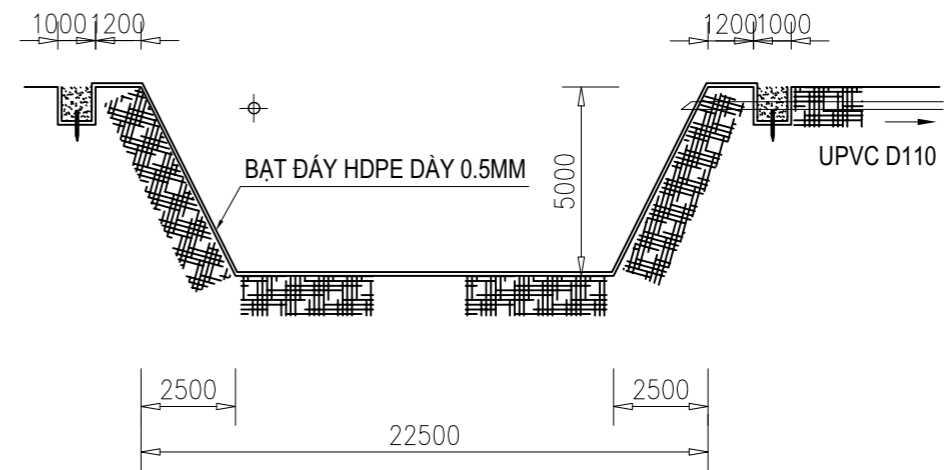
TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	



MẶT BẰNG HỒ LẮNG 1; TL: 1/200



MẶT CẮT DỌC HỒ LẮNG 1



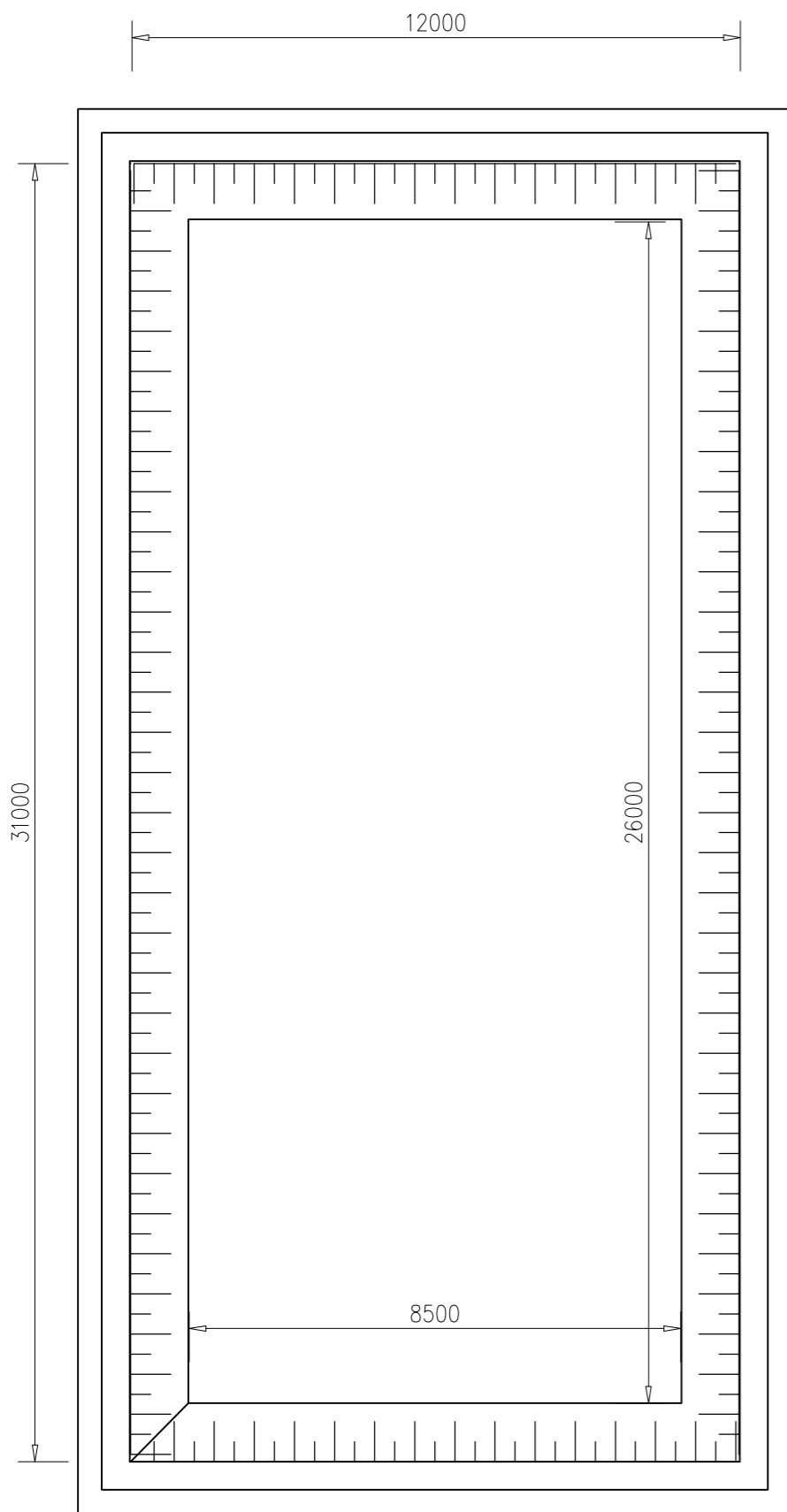
MẶT CẮT NGANG HỒ LẮNG 1

BẢN VẼ:

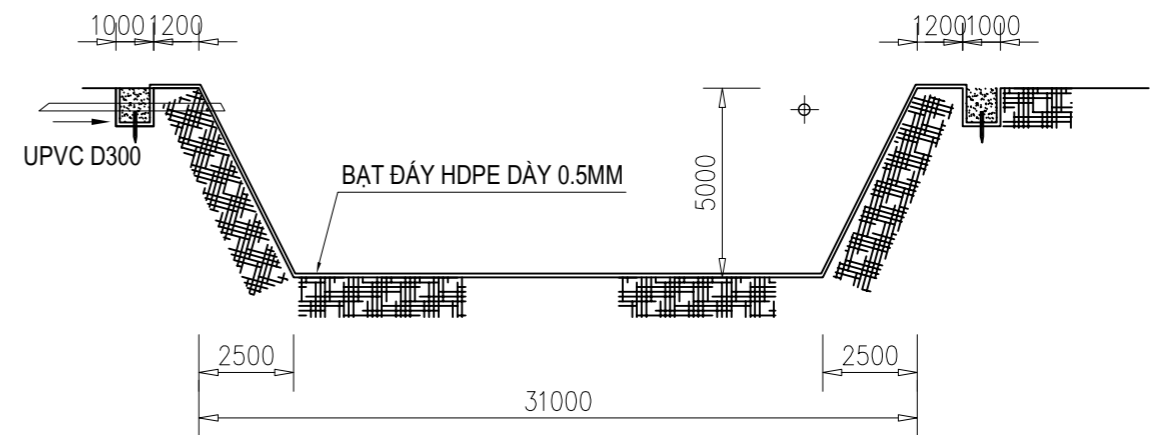
CHI TIẾT HỒ LẮNG 1

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

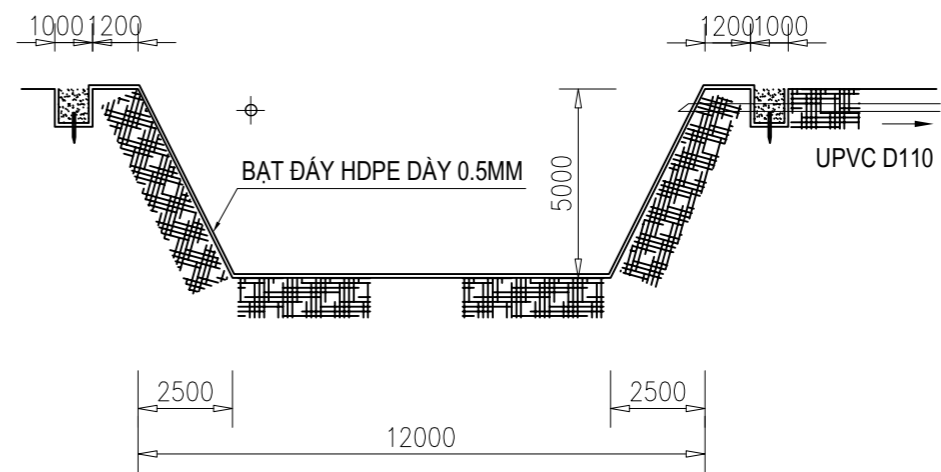
TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	



MẶT BẰNG HỒ LẮNG 2; TL: 1/200



MẶT CẮT DỌC HỒ LẮNG 1



MẶT CẮT NGANG HỒ LẮNG 1

BẢN VẼ:

CHI TIẾT HỒ LẮNG 2

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

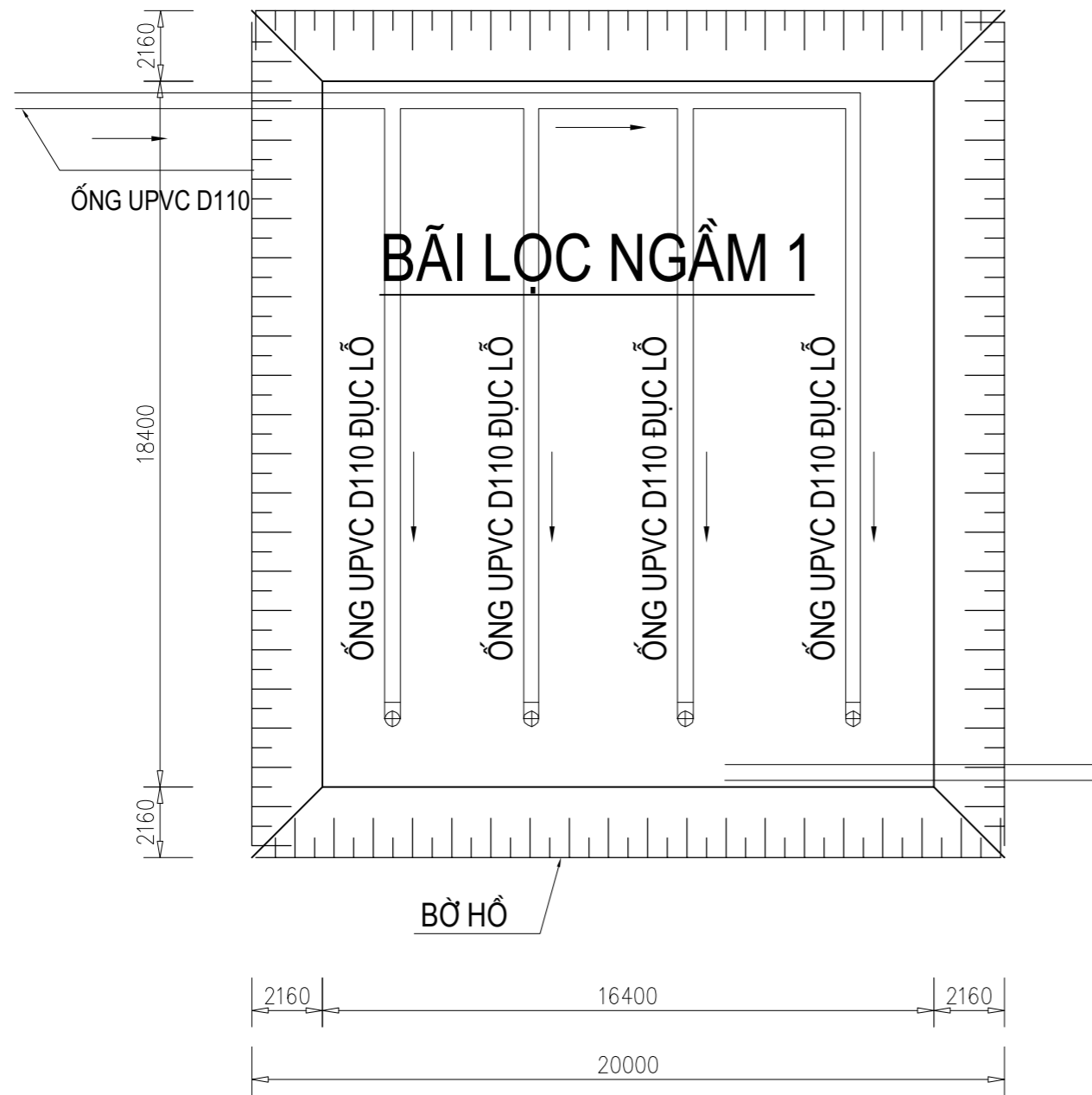
TỶ LỆ

BẢN VẼ SỐ

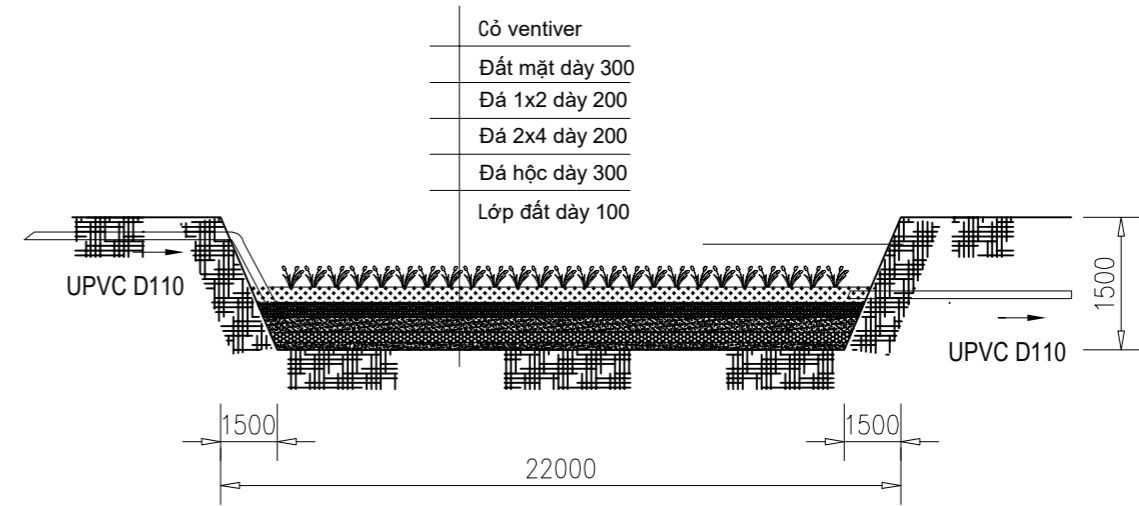
K.HIỆU BẢN VẼ

MÃ HỒ SƠ

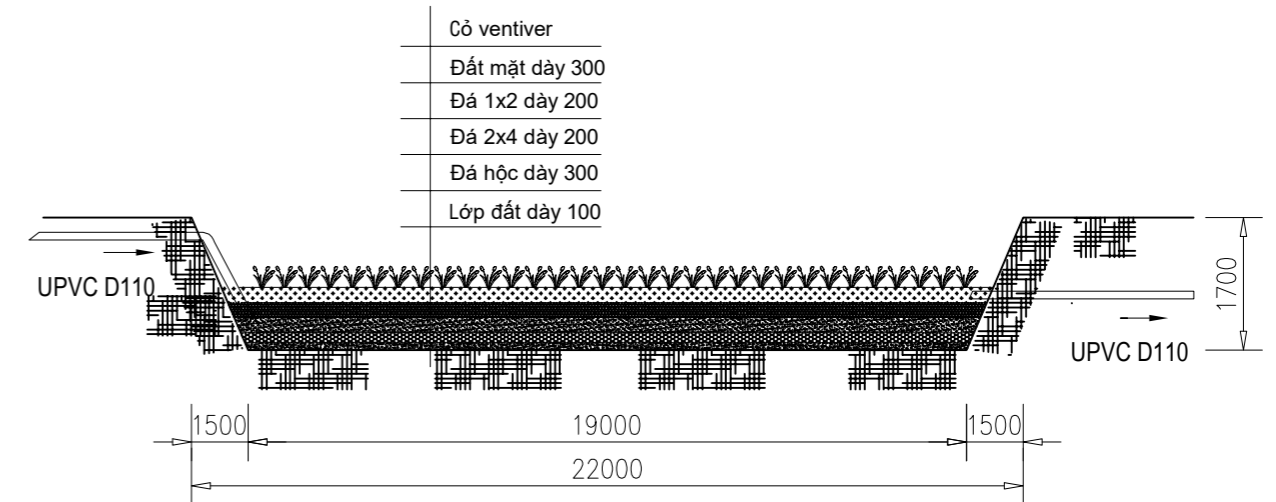
LẦN XUẤT BẢN



MẶT BẰNG BÃI LỌC NGẦM 1; TL: 1/200



MẶT CẮT NGANG BÃI LỌC NGẦM 1



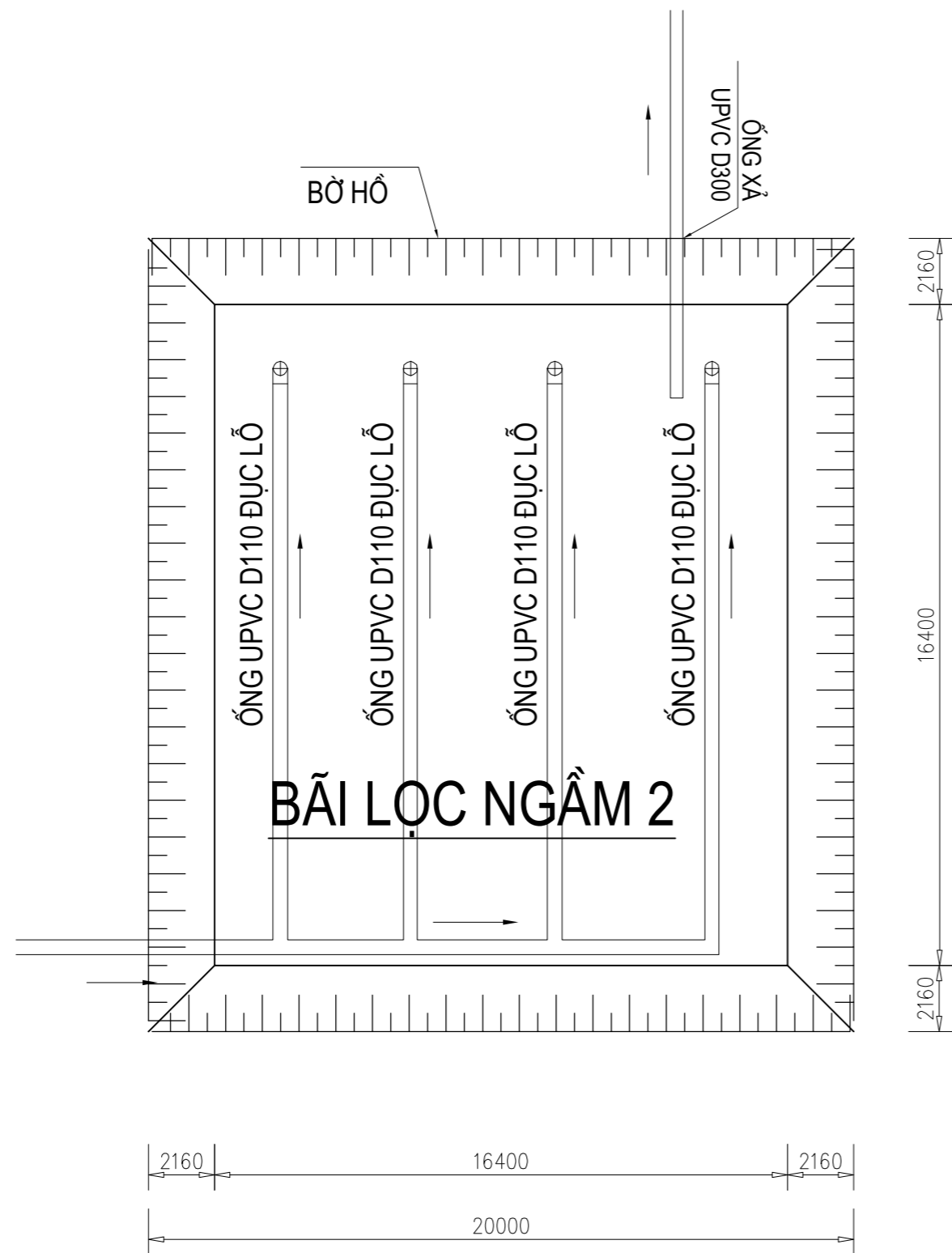
MẶT CẮT DỌC BÃI LỌC NGẦM 1

BẢN VẼ:

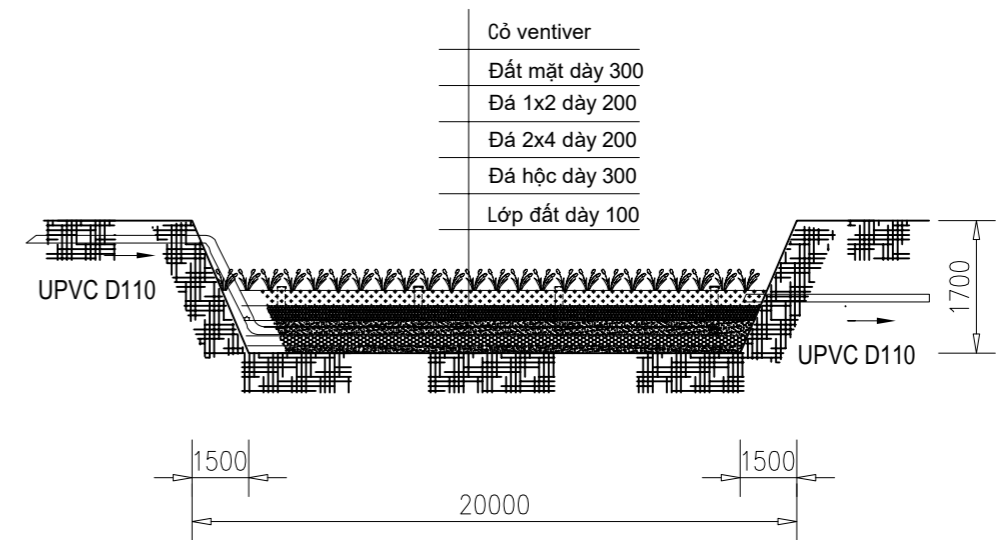
CHI TIẾT
BÃI LỌC NGẦM 1

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn
quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ,
huyện Hải Lăng

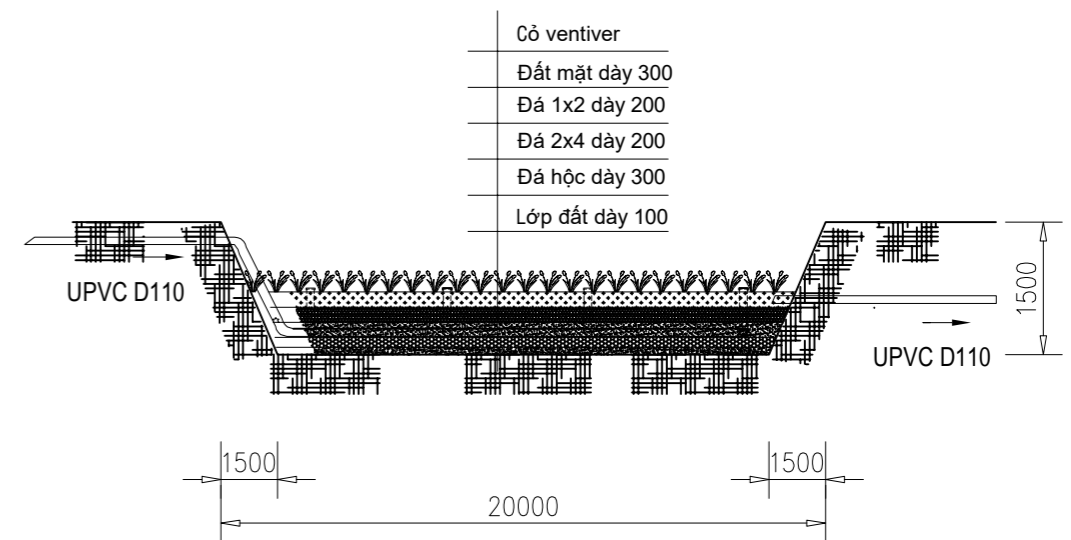
TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	



MẶT BẰNG BÃI LỌC NGẦM 2; TL: 1/200



MẶT CẮT NGANG BÃI LỌC NGẦM 2



MẶT CẮT DỌC BÃI LỌC NGẦM 2

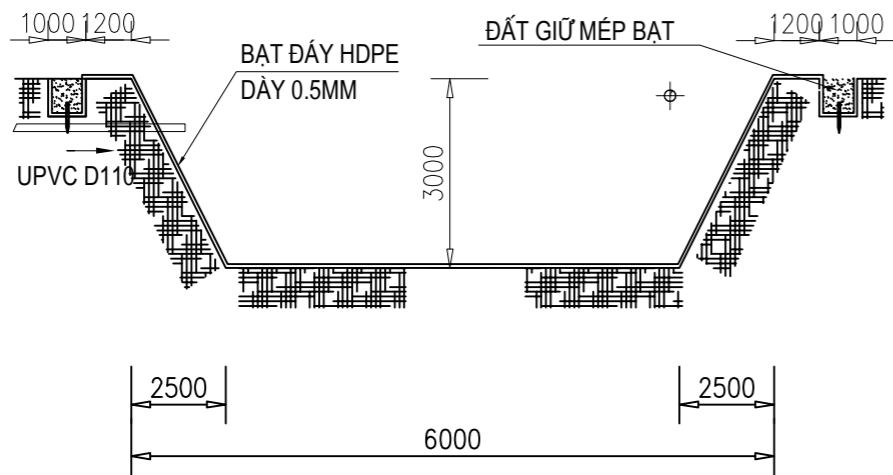
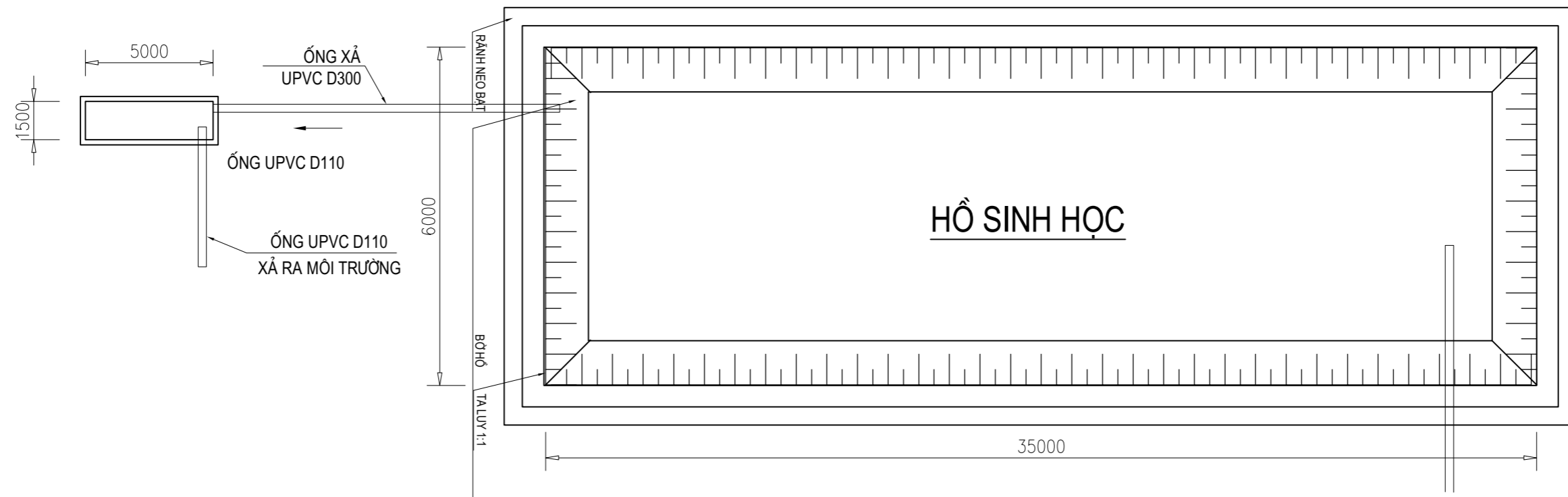
BẢN VẼ:

CHI TIẾT
BÃI LỌC NGẦM 2

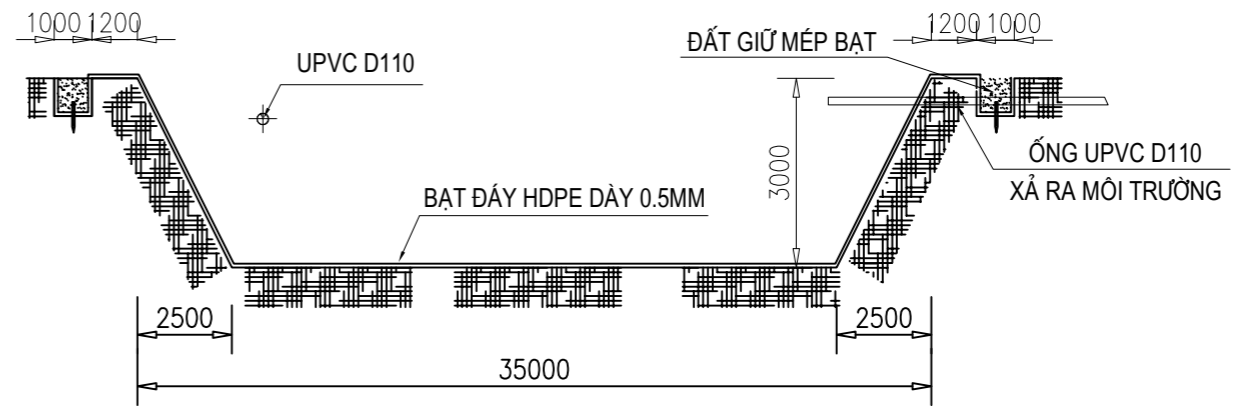
CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn
quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ,
huyện Hải Lăng

TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SƠ	
LẦN XUẤT BẢN	

BỂ KHỬ TRÙNG



MẶT CẮT NGANG HỒ SINH HỌC

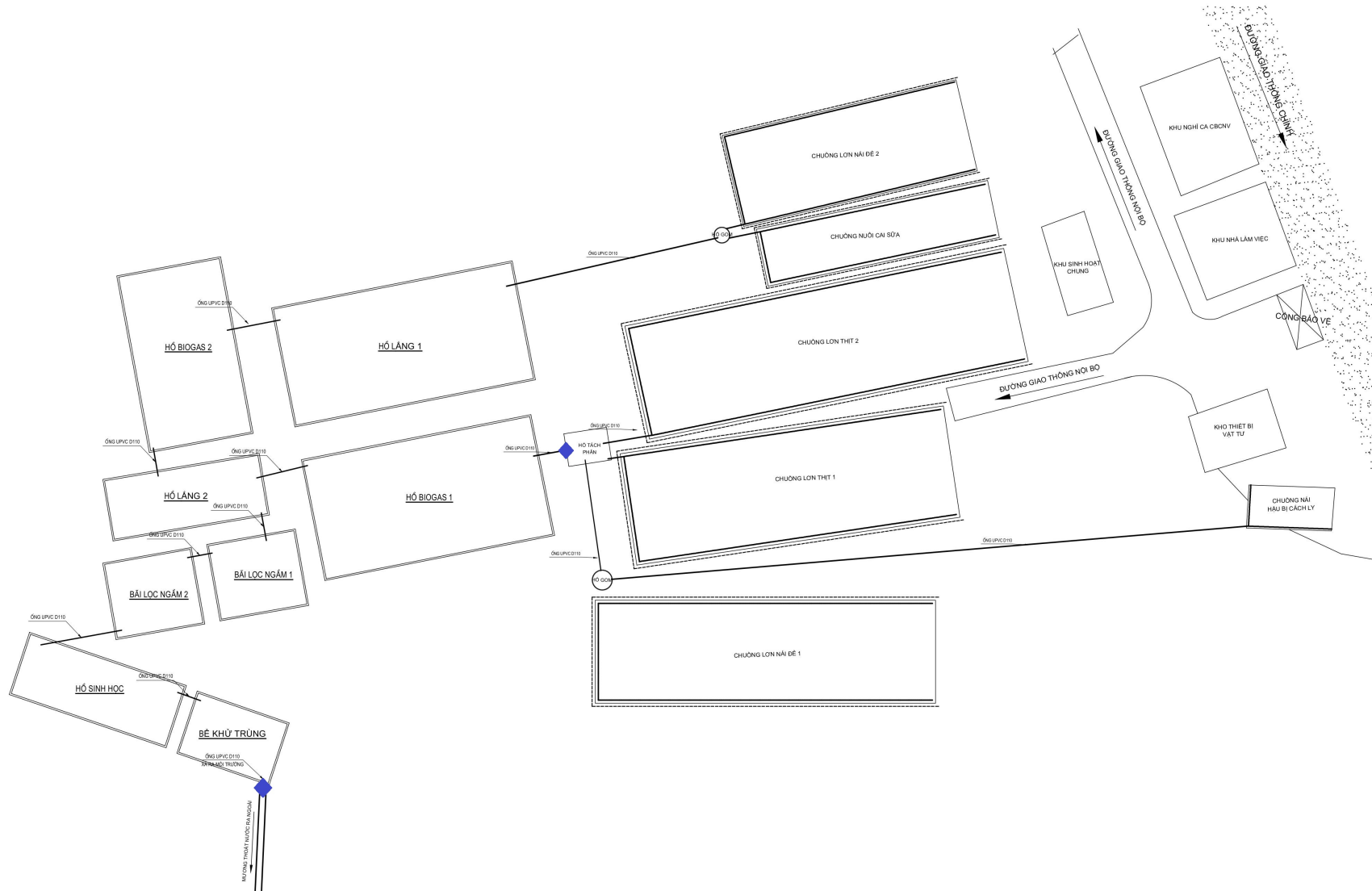


MẶT CẮT DỌC HỒ SINH HỌC

MẶT BẰNG HỒ SINH HỌC; TL: 1/200

	<p>BẢN VẼ:</p> <p>CHI TIẾT HỒ SINH HỌC VÀ BỂ KHỬ TRÙNG</p>	<p>CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng</p>	TỶ LỆ	
			BẢN VẼ SỐ	
			K.HIỆU BẢN VẼ	
			MÃ HỒ SƠ	
			LẦN XUẤT BẢN	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



Ghi chú: ◆ - Vị trí lấy mẫu nước thải

----- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

———— HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

CƠ SỞ: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng

TỶ LỆ	
BẢN VẼ SỐ	
K.HIỆU BẢN VẼ	
MÃ HỒ SỐ	
LẦN XUẤT BẢN	